

TRƯỜNG THCS BÌNH QUỚI TÂY ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA GIỮA KÌ II  
NĂM HỌC 2024 – 2025  
MÔN: TOÁN LỚP 6  
Thời gian làm bài: 90 phút

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3,0 điểm)

**Câu 1.** Phép tính  $\frac{-3}{5} + \frac{7}{8}$  có kết quả bằng:

- A.  $\frac{11}{40}$       B.  $\frac{-11}{40}$       C.  $\frac{59}{40}$       D.  $\frac{-59}{40}$

**Câu 2.** Cho  $\frac{3}{2}x = \frac{1}{2}$ . Kết quả giá trị x là :

- A.  $\frac{1}{3}$       B.  $\frac{7}{3}$       C.  $\frac{-1}{3}$       D.  $\frac{3}{11}$

**Câu 3.** Cho  $x + \frac{3}{4} = \frac{1}{5}$ . Kết quả giá trị x là:

- A.  $\frac{19}{20}$       B.  $\frac{20}{19}$       C.  $\frac{11}{20}$       D.  $\frac{-11}{20}$

**Câu 4.**  $\frac{3}{4}$  của 20 trang sách là:

- A. 5 trang      B. 10 trang      C. 15 trang      D. 20 trang

**Câu 5.** Tìm một số biết  $\frac{2}{3}$  của nó là 8 :

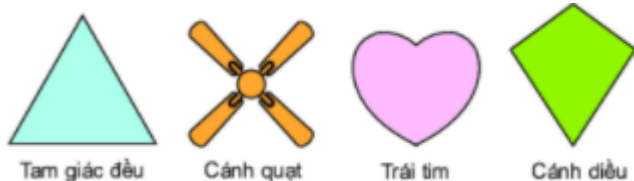
- A. Số đó là 24      B. Số đó là  $\frac{16}{3}$       C. Số đó là 12      D. Số đó là 20

**Câu 6.** Hình nào dưới đây có trục đối xứng?



- A. Hình a), Hình b), Hình c)      B. Hình a), Hình c), Hình d)  
C. Hình b), Hình c), Hình d)      D. Hình a) và Hình c)

**Câu 7.** Trong các hình sau, những hình có tâm đối xứng là:



- A. Tam giác đều      B. Cánh quạt      C. Trái tim      D. Cánh diều

**Câu 8.** Trong thế giới tự nhiên, tính đối xứng:

- A. Chỉ có ở thực vật.      B. Chỉ có ở động vật.  
 C. Không tồn tại.      D. Được thể hiện rất đa dạng và phong phú.

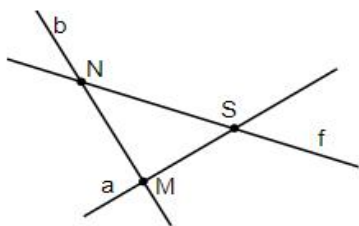
**Câu 9.** Trong các loại biển báo sau, biển báo nào có trục đối xứng?



- a)      b)      c)      d)

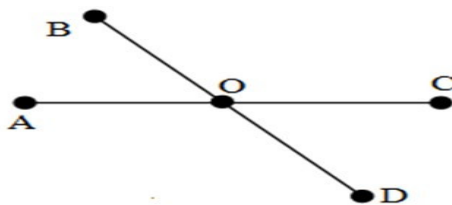
- A. Hình a) và hình c)      B. Hình a) và hình d)  
 C. Hình c) và hình b)      D. Hình c) và hình d)

**Câu 10.** Đường thẳng a chứa những điểm nào?



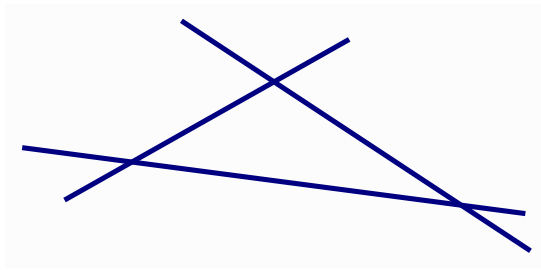
- A. N, M      B. M, S      C. N, S      D. N, M, S

**Câu 11.** Kể tên bộ ba điểm thẳng hàng trong hình vẽ dưới đây.



- A. A, O, D và B, O, C      B. A, O, B và C, O, D  
 C. A, O, C và B, O, D      D. A, O, C và B, O, A

**Câu 12.** Cho hình vẽ



Số giao điểm tạo bởi 3 đường thẳng trong hình trên là:

- A. 1 giao điểm      B. 3 giao điểm      C. 2 giao điểm      D. 4 giao điểm

**II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)**

**Bài 1.** (1,0 đ) So sánh hai phân số:  $\frac{-5}{3}$  và  $\frac{6}{-5}$

**Bài 2.** (2,0 đ) Tính (tính hợp lý có thể)

a) (0,5)  $\frac{2}{5} - \frac{5}{3} + \frac{7}{15}$

b) (0,5)  $\frac{-3}{7} + \frac{-4}{7} \cdot \frac{-5}{2}$

c) (1,0)  $\frac{5}{13} \cdot \frac{-7}{11} + \frac{5}{13} \cdot \frac{-4}{11} - \frac{8}{13}$

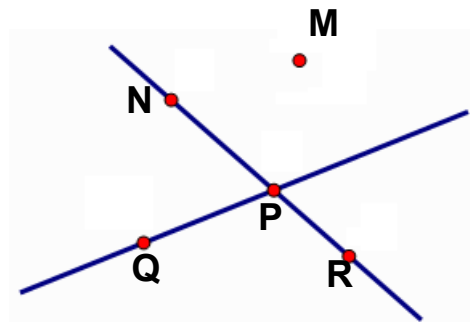
**Bài 3.** (1,0 đ) ) Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài là 80m, chiều rộng bằng  $\frac{3}{4}$  chiều dài.

Tính diện tích mảnh vườn.

**Bài 4.** (1,0 đ) Lớp 6A có 27 học sinh nam. Số học sinh nam bằng  $\frac{3}{5}$  số học sinh cả lớp. Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh nữ?

**Bài 5.** (1,0 đ) Cho hình vẽ:

- a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng .
- b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- c) Điểm nào nằm giữa hai điểm N và R.
- d) Kể tên một tia gốc P.



**Bài 6.** (1đ)

- a) Hãy vẽ hình chữ nhật MNEF rồi vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của hình chữ nhật đó.
- b) Hãy vẽ hình bình hành ABCD và tìm điểm I là tâm đối xứng của hình bình hành đó.

**ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM**

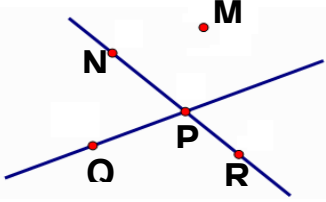
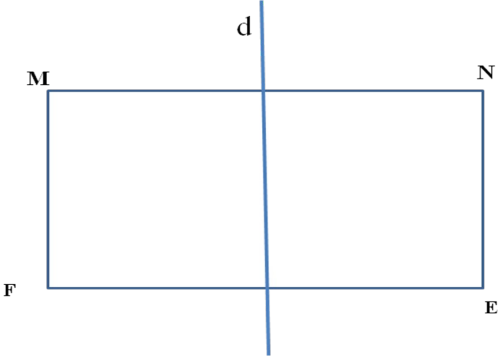
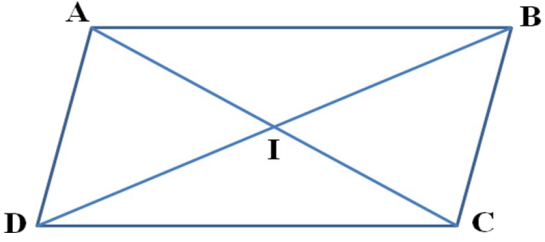
**I. TRẮC NGHIỆM: mỗi câu đúng 0,25 điểm**

<b>Câu</b>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>Đ.án</b>	A	A	D	C	C	B	B	D	A	B	C	B

**II. TỰ LUẬN:**

<b>Bài</b>	<b>Đáp án</b>	<b>Điểm</b>
------------	---------------	-------------

1	<b>Bài 1.</b> (1,0 đ) So sánh hai phân số: $\frac{-5}{3}$ và $\frac{6}{-5}$	
	$\frac{-5}{3} = \frac{-25}{15}; \frac{6}{-5} = \frac{-18}{15}$ <p>Vì <math>-25 &lt; -18</math></p> <p>Nên <math>\frac{-25}{15} &lt; \frac{-18}{15}</math></p> <p>Vậy <math>\frac{-5}{3} &lt; \frac{6}{-5}</math></p>	0,5 0,25 0,25
	<b>Bài 2.</b> (2,0 đ) Tính (tính hợp lý có thể)	
	a) (0,5) $\frac{2}{5} - \frac{5}{3} + \frac{7}{15}$ b) (0,5) $\frac{-3}{7} + \frac{-4}{7} \cdot \frac{-5}{2}$ c) (1,0) $\frac{5}{13} \cdot \frac{-7}{11} + \frac{5}{13} \cdot \frac{-4}{11} - \frac{8}{13}$	
2a	a) $\frac{2}{5} - \frac{5}{3} + \frac{7}{15} = \frac{6 - 25 + 7}{15}$ $= \frac{-4}{5}$	0,25 0,25
2b	b) $\frac{-3}{7} + \frac{-4}{7} \cdot \frac{-5}{2} = \frac{-3}{7} + \frac{10}{7}$ $= 1$	0,25 0,25
2c	c) $\frac{5}{13} \cdot \frac{-7}{11} + \frac{5}{13} \cdot \frac{-4}{11} - \frac{8}{13} = \frac{5}{13} \cdot \left( \frac{-7}{11} + \frac{-4}{11} \right) - \frac{8}{13}$ $= \frac{5}{13}(-1) - \frac{8}{13}$ $= \frac{-5}{13} - \frac{8}{13} = -1$	0,5 0,25 0,25
	<b>Bài 3.</b> (1,0 đ) Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài là 80m, chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài. Tính diện tích mảnh vườn.	
3	Chiều dài mảnh vườn: $\frac{3}{4} \cdot 80 = 60$ (m)	0,5
	Diện tích mảnh vườn: $80 \cdot 60 = 4800$ (m <sup>2</sup> )	0,5
	<b>Bài 4.</b> (1,0 đ) Lớp 6A có 27 học sinh nam. Số học sinh nam bằng $\frac{3}{5}$ số học sinh cả lớp. Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh nữ?	
4	Số học sinh cả lớp: $27 : \frac{3}{5} = 45$ (học sinh)	0,5
	Số học sinh nữ là: $45 - 27 = 18$ (học sinh)	0,5
5	<b>Bài 5.</b> (1,0 đ) Cho hình vẽ:	

	<p>a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng .</p> <p>b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.</p> <p>c) Điểm nào nằm giữa hai điểm N và R.</p> <p>d) Kể tên một tia gốc P.</p>	
	<p>a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng: N,P,R</p> <p>b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng: N,P,M</p> <p>c) Điểm nằm giữa hai điểm N và R: P</p> <p>d) Kể tên một tia gốc P: Tia PR</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
	<p><b>Bài 6.</b> (1đ)</p> <p>a) Hãy vẽ hình chữ nhật MNEF rồi vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của hình chữ nhật đó.</p> <p>b) Hãy vẽ hình bình hành ABCD và tìm điểm I là tâm đối xứng của hình bình hành đó.</p>	
<p><b>a</b></p>		<p>0,5</p>
<p><b>b</b></p>		<p>0,5</p>

**Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm)** Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây :

**Câu 1.**  $\frac{2}{15} + \left(\frac{-5}{6}\right) \cdot \frac{18}{25}$  có kết quả là:

- A.  $\frac{7}{15}$                       B.  $\frac{-7}{15}$                       C.  $\frac{17}{20}$                       D.  $\frac{-23}{20}$

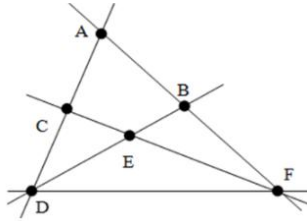
**Câu 2.** Em hãy cho biết  $\frac{3}{4}$  của 160 trang sách là:

- A. 100 trang                      B. 130 trang                      C. 140 trang                      D. 120 trang

**Câu 3.** Tìm số trang sách của quyển sách. Biết  $\frac{2}{7}$  của quyển sách có 16 trang

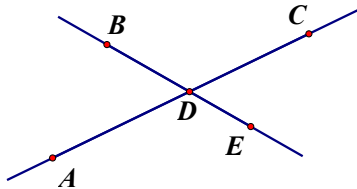
- A. 56 trang                      B. 54 trang                      C. 50 trang                      D. 64 trang

**Câu 4.** Cho hình vẽ. Các bộ ba thẳng hàng là:



- A. A ; B ; C và A ; D ; C  
B. A ; D ; C và A ; B ; F  
C. A ; D ; C và B ; D ; F  
D. B ; D ; E và E ; D ; F

**Câu 5.** Cho hình vẽ. Các bộ 3 điểm không thẳng hàng là:



- A. A ; B ; C và A ; D ; C
- B. A ; D ; C và B ; D ; E
- C. A ; B ; C và B ; D ; C
- D. B ; D ; E và E ; D ; A

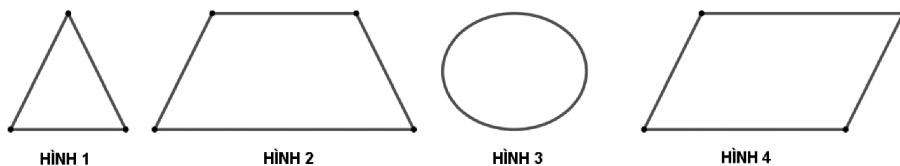
**Câu 6.**  $\frac{-3}{5} + \frac{7}{8}$  có kết quả là:

- A.  $\frac{11}{40}$
- B.  $\frac{-11}{40}$
- C.  $\frac{59}{40}$
- D.  $\frac{-59}{40}$

**Câu 7.** Tìm x biết:  $x - \frac{1}{3} = \frac{-1}{2}$

- A.  $\frac{1}{6}$
- B.  $\frac{-1}{6}$
- C.  $\frac{-5}{6}$
- D.  $\frac{5}{6}$

**Câu 8.** Trong các hình sau, hình nào không có trục đối xứng ?



- A. HÌNH 2
- B. HÌNH 1
- C. HÌNH 4
- D. HÌNH 3.

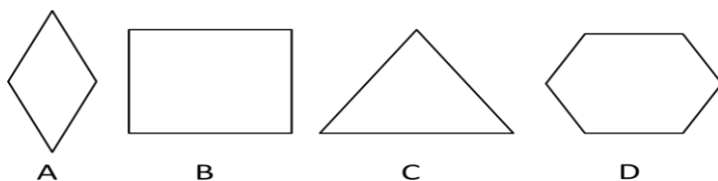
**Câu 9.** Tính đối xứng giúp cho sự vật:

- A. Cân bằng vững chắc
- B. Hòa hòa
- C. Đẹp mắt
- D. Cả ba câu đều đúng.

**Câu 10.** Chọn câu khẳng định sai:

- A. Tính đối xứng được sử dụng nhiều trong công nghệ chế tạo giúp các vật có tính cân bằng, hài hòa, vững chắc.
- B. Tính đối xứng trong hội họa và kiến trúc giúp đem lại cảm hứng cho các họa sĩ và kiến trúc sư.
- C. Tính đối xứng thường xuất hiện trong thế giới động, thực vật để giúp chúng cân bằng, vững chắc, hài hòa.
- D. Các vật trong tự nhiên đều có tính đối xứng.

**Câu 11.** Trong các hình sau hình nào không có tâm đối xứng ?



- A. Hình A
- B. Hình B
- C. Hình C
- D. Hình D

**Câu 12.** Trong các hình sau, hình nào hai đường thẳng song song với nhau?



hình 1

A. Hình 1



hình 2

B. Hình 3



hình 3

C. Hình 2



hình 4

D. Hình 4

**Phần 2. Tự luận (8 điểm)**

**Bài 1.** (1,0đ) So sánh hai phân số :  $\frac{-5}{8}$  và  $\frac{-4}{5}$

**Bài 2.** (2,0 đ) Tính hợp lý( nếu có thể):

a)  $\frac{1}{4} - \frac{2}{3} + \frac{5}{2}$

b)  $\frac{7}{8} \cdot \frac{8}{13} + \frac{7}{8} \cdot \frac{5}{13} - \frac{7}{8}$

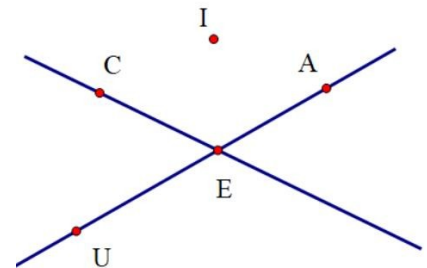
c)  $\left(\frac{2021}{2023} - \frac{2001}{1997}\right) - \left(\frac{2021}{2023} - \frac{4}{1997}\right)$

**Bài 3.** (1,0đ) Bạn Mai có 20 viên bi .Mai cho em  $\frac{3}{4}$  số viên bi. Hỏi Mai còn bao nhiêu viên bi?

**Bài 4.** (1,0đ) Bạn An đọc hết một cuốn sách trong ba ngày,biết ngày thứ nhất đọc được  $\frac{3}{15}$  tổng số trang .Ngày thứ hai đọc được  $\frac{2}{5}$  tổng số trang,ngày thứ ba đọc nốt 12 trang.Hỏi cuốn sách có bao nhiêu trang?

**Bài 5.** (1đ) Cho hình vẽ:

- Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng.
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm nào nằm giữa hai điểm A và U.
- Viết tên một tia có điểm gốc E.



**Bài 6.** (1,0đ)

- Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của tam giác đều ABC.
- Hãy vẽ hình chữ nhật ABCD và tìm điểm I là tâm đối xứng của hình chữ nhật ABCD.

**HẾT**



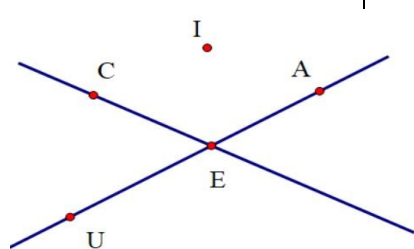
## ĐÁP ÁN

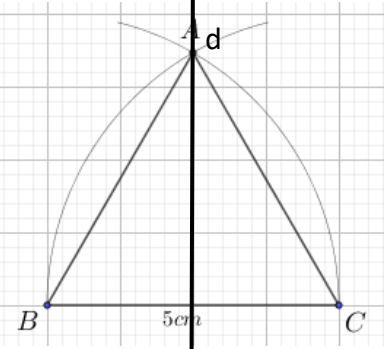
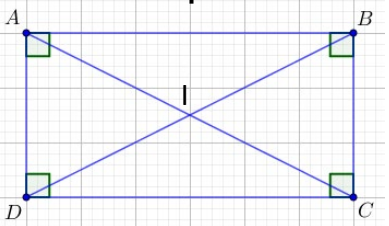
### PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	B	D	A	B	C	A	B	C	D	D	C	A

### PHẦN II. TỰ LUẬN:

Bài	Đáp án	Điểm
<b>1</b>	<b>Bài 1.</b> (1,0đ) So sánh hai phân số : $\frac{-5}{8}$ và $\frac{-4}{5}$	
	$\frac{-5}{8} = \frac{-25}{40}; \frac{-4}{5} = \frac{-32}{40}$ $\forall i \frac{-25}{40} > \frac{-32}{40}$ $\text{Vậy } \frac{-5}{8} > \frac{-4}{5}$	0,25đx2 0,25đ 0,25đ
<b>2</b>	<b>Bài 2.</b> (2,0 đ) Tính hợp lý( nếu có thể):	
	a/ $\frac{1}{4} - \frac{2}{3} + \frac{5}{2}$ b/ $\frac{7}{8} \cdot \frac{8}{13} + \frac{7}{8} \cdot \frac{5}{13} - \frac{7}{8}$ c/ $\left( \frac{2021}{2023} - \frac{2001}{1997} \right) - \left( \frac{2021}{2023} - \frac{4}{1997} \right)$	
<b>2a</b>	$\frac{1}{4} - \frac{2}{3} + \frac{5}{2}$ $= \frac{3}{12} - \frac{8}{12} + \frac{30}{12}$ $= \frac{25}{12}$	0,25  0,25
<b>2b</b>	$\frac{7}{8} \cdot \frac{8}{13} + \frac{7}{8} \cdot \frac{5}{13} - \frac{7}{8}$ $= \frac{7}{8} \cdot \left( \frac{8}{13} + \frac{5}{13} - 1 \right)$ $= \frac{7}{8} \cdot 0 = 0$	0,25 0,25
<b>2c</b>	$\left( \frac{2021}{2023} - \frac{2001}{1997} \right) - \left( \frac{2021}{2023} - \frac{4}{1997} \right)$	0,25đ

	$= \frac{2021}{2023} - \frac{2001}{1997} - \frac{2021}{2023} + \frac{4}{1997}$ $= \left( \frac{2021}{2023} - \frac{2021}{2023} \right) + \left( -\frac{2001}{1997} + \frac{4}{1997} \right)$ $= \frac{-1997}{1997} = -1$	0,25đ 0,5đ
3	<b>Bài 3.</b> (1,0đ) Bạn Mai có 20 viên bi .Mai cho em $\frac{3}{4}$ số viên bi. Hỏi Mai còn bao nhiêu viên bi?	
	Số viên bi bạn Mai cho em: $20 \cdot \frac{3}{4} = 15$ ( viên)	0,5đ
	Số viên bi bạn Mai còn lại là: $20 - 15 = 5$ ( viên)	0,5đ
4	<b>Bài 4:</b> (1,0đ) Bạn An đọc hết một cuốn sách trong ba ngày,biết ngày thứ nhất đọc được $\frac{3}{15}$ tổng số trang .Ngày thứ hai đọc được $\frac{2}{5}$ tổng số trang,ngày thứ ba đọc nốt 12 trang.Hỏi cuốn sách có bao nhiêu trang?	
	Phần số chỉ số trang bạn An đọc ngày 3: $1 - \frac{3}{15} - \frac{2}{5} = \frac{2}{5}$ (số trang)	0,5đ
	Số trang của cuốn sách: $12 : \frac{2}{5} = 30$ ( trang)	0,5đ
5	<b>Bài 5.</b> (1,0 điểm) a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng. b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng. c) Điểm nào nằm giữa hai điểm A và U. d) Viết tên một tia có điểm gốc E.	
		
	a. A,E,U	0,25đ
	b. C,E,A	0,25đ
	c. Điểm E	0,25đ
	d. EA hoặc EU	0,25đ
6	<b>Bài 6.</b> (1,0đ) a) Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của tam giác đều ABC	1,0đ

	<p>b) Hãy vẽ hình chữ nhật ABCD và tìm điểm I là tâm đối xứng của hình chữ nhật ABCD.</p>	
<p><b>6a</b></p>		<p>0,5</p>
<p><b>6b</b></p>		<p>0,5</p>

**ĐỀ THAM KHẢO**

(Đề kiểm tra có 03 trang)

**I/ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN. (3 điểm)** Chọn đáp án đúng nhất

**Câu 1.** Kết quả của phép tính:  $\frac{2}{3} + \frac{1}{5}$  là:

- A.  $\frac{3}{8}$                       B.  $\frac{3}{15}$                       C.  $\frac{13}{15}$                       D.  $\frac{13}{8}$

**Câu 2.** Cho  $x + \frac{1}{4} = \frac{2}{3}$ . Kết quả giá trị x là:

- A.  $\frac{5}{12}$                       B.  $-\frac{11}{12}$                       C.  $\frac{11}{12}$                       D.  $-\frac{5}{12}$

**Câu 3.** Phép tính  $\frac{-8}{3} : \frac{2}{7}$  có kết quả bằng:

- A.  $-\frac{16}{21}$                       B.  $-\frac{28}{3}$                       C.  $-\frac{3}{28}$                       D.  $\frac{16}{6}$

**Câu 4.**  $\frac{2}{5}$  của 30 trang sách là:

- A. 10 trang                      B. 12 trang                      C. 15 trang                      D. 20 trang

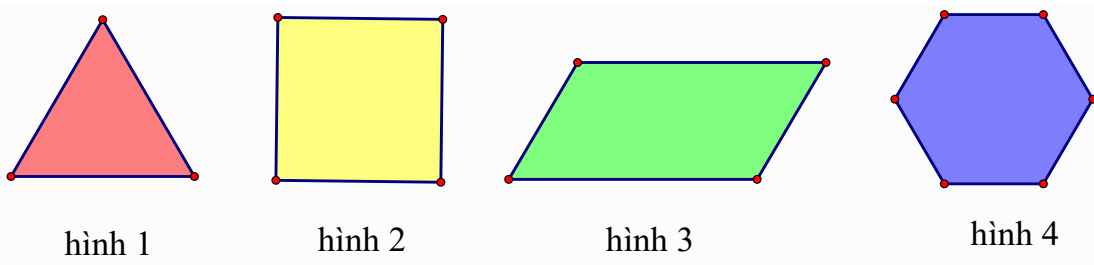
**Câu 5.** Tìm một số biết  $\frac{5}{7}$  của nó bằng 25?

- A. 53                      B.  $\frac{1}{35}$                       C. 35                      D.  $\frac{125}{7}$

**Câu 6.** Trong các hình sau hình nào không có trục đối xứng

- A. Hình tròn                      B. Hình vuông  
C. Hình bình hành                      D. Hình thang cân

**Câu 7.** Hình nào dưới đây **không** có tâm đối xứng?



- A. Hình 4                      B. Hình 2                      C. Hình 3                      D. Hình 1.

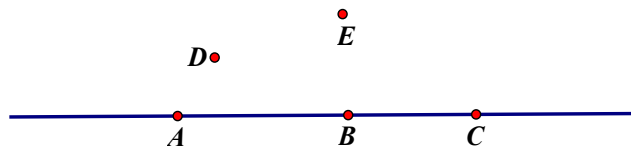
**Câu 8.** Chọn khẳng định SAI:

- A. Các vật trong tự nhiên đều có tính đối xứng.
- B. Tính đối xứng được sử dụng nhiều trong công nghệ chế tạo giúp các vật có tính cân bằng, hài hòa, vững chắc.
- C. Tính đối xứng trong hội họa và kiến trúc giúp đem lại cảm hứng cho các họa sĩ và kiến trúc sư
- D. Tính đối xứng thường xuất hiện trong thế giới động, thực vật để giúp chúng cân bằng, vững chắc, hài hòa.

**Câu 9.** Tính đối xứng giúp cho sự vật

- A. Cân bằng, vững chắc.
- B. Hài hòa.
- C. Đẹp mắt.
- D. Cả 3 câu A,B,C.

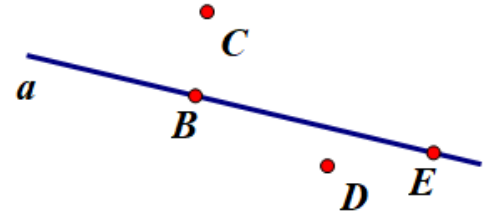
**Câu 10.** Trong hình sau, 3 điểm thẳng hàng là:



- A. Điểm D, điểm E, điểm A,
- B. Điểm A, điểm B, điểm C,
- C. Điểm A, điểm B, điểm D
- D. Điểm A, điểm D, điểm C.

**Câu 11.** Trong hình vẽ bên, điểm nào không thuộc đường thẳng a?

- A. Điểm D và B
- B. Điểm C và D
- C. Điểm D và E
- D. Điểm B và E



**Câu 12.** Trong hình sau, tia Am còn được gọi tên là:



- A. Tia AB
- B. Tia BC
- C. Tia Bm
- D. Tia Cm.

**II/ TƯ LUẬN : (7 điểm)**

**Bài 1.** (1,0 đ) So sánh hai phân số sau:  $-\frac{2}{3}$  và  $-\frac{5}{4}$ .

**Bài 2.** (2,0 đ) Tính :

a/  $\frac{1}{3} - \frac{3}{5} + \frac{8}{15}$

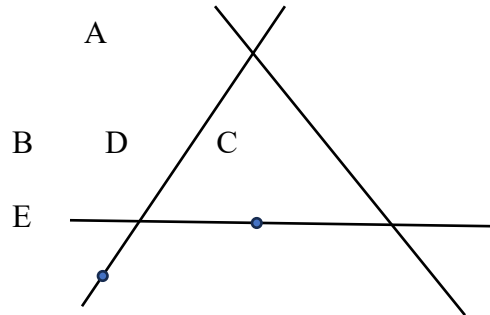
b/  $\frac{16}{5} + \frac{2}{5} \cdot \frac{-2}{3}$

c/  $\frac{-3}{17} \cdot \frac{5}{23} + \frac{-3}{17} \cdot \frac{10}{23} + \frac{-3}{17} \cdot \frac{8}{23}$

**Bài 3.** (1,0đ) Bạn Linh có 60 viên kẹo. Linh cho em  $\frac{3}{5}$  số kẹo của mình. Hỏi Linh còn bao nhiêu viên kẹo?

**Bài 4:** (1,0đ) Một đội công nhân thi công đào một quãng đường. Ngày thứ nhất đào được  $\frac{1}{4}$  quãng đường, ngày thứ hai đào được  $\frac{1}{9}$  quãng đường còn lại. Biết ngày thứ ba đội đào 200 m đường là xong công việc. Hỏi quãng đường đội công nhân nhận thi công dài bao nhiêu mét?

**Bài 5.** (1,0 đ) Vẽ lại hình vào giấy làm bài và trả lời những câu hỏi sau:



- Kể tên 1 bộ 3 điểm thẳng hàng?
- Kể tên 1 bộ 3 điểm không thẳng hàng?
- Nêu tên điểm nào nằm giữa điểm A và E?
- Nêu tên 1 tia gốc D?

**Bài 6.** (1,0đ)

- Hãy vẽ hình chữ nhật EFGH rồi vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của hình chữ nhật đó
- Hãy vẽ hình bình hành ABCD và tìm điểm I là tâm đối xứng của hình bình hành đó.

---HẾT---







## KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II TOÁN – LỚP 6

**NĂM HỌC 2024-2025**

T T	Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	Phân số	Phân số với tử số và mẫu số là số nguyên. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số.				1 Bài 1 1,0					62,5 %
		Các phép tính phân số. Tính chất phép cộng, phép nhân phân số.	1 0,2 5		2 0,5	2 Bài 2 a,b 1,0		1 Bài 2c 1,0			
		Giá trị phân số của một số.			2 0,5			1 Bài 3 1,0		1 Bài 4 1,0	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng.	1 0,2 5			1 B.6 a 0,5					20%
		Hình có tâm đối xứng.	1 0,2 5			1 B.6 b 0,5					
		Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên.	2 0,5								

3	Các hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Ba điểm thẳng hàng. Ba điểm không thẳng hàng.	3 0,7 5	1 Bài 5 1,0						17,5 %	
Tổng số câu			8	1	4	5		2		1	21
Tổng điểm			2,0	1,0	1,0	3,0		2,0		1,0	10,0
Tỉ lệ %			30%		40%		20%		10%		100 %
Tỉ lệ chung			70%				30%				100 %

## BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ HK2 TOÁN 6 NĂM HỌC 2024-2025

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG CẦN KIỂM TRA	SỐ CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC			
				NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG	VẬN DỤNG CAO
1	Chủ đề 1: Phân số (16 tiết)	<b>Nội dung 1:</b> Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số.	<b>Nhận biết:</b> - Mô tả được phân số. - Nhận biết hai phân số bằng nhau <b>Thông hiểu:</b> - So sánh hai phân số khác mẫu số.	1TN	1TL		
		<b>Nội dung 2:</b> Các phép tính với phân số.	<b>Nhận biết:</b> - Nhận biết dạng toán cơ bản về phân số <b>Thông hiểu:</b> - Áp dụng phép cộng, trừ, nhân, chia phân số để thực hiện phép tính.				

			<b>Vận dụng:</b> - Vận dụng quy tắc dấu ngoặc vào tính toán.				
		<b>Nội dung 3:</b> Giá trị phân số của một số.	<b>Thông hiểu:</b> - Sử dụng 2 quy tắc để tính giá trị phân số của một số. <b>Vận dụng:</b> - Vận dụng 2 quy tắc vào bài toán thực tiễn đơn giản. <b>Vận dụng cao:</b> - Vận dụng 2 quy tắc vào bài toán thực tiễn phức tạp.		2TN	1TL	1TL
2	<b>Chủ đề 2:</b> <b>Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên (9 tiết)</b>	<b>Nội dung 1:</b> Hình có trục đối xứng.	<b>Nhận biết:</b> - Nhận biết các hình có trục đối xứng. <b>Thông hiểu:</b> - Vẽ được trục đối xứng của một hình cho trước	2TN	1TL		
		<b>Nội dung 2:</b> Hình có tâm đối xứng	<b>Nhận biết:</b> - Nhận biết các hình có tâm đối xứng. <b>Thông hiểu:</b> - Tìm được tâm đối xứng của một hình cho trước	1TN	1TL		
3	<b>Chủ đề 3:</b> <b>Các hình học cơ bản (7 tiết)</b>	<b>Nội dung 1:</b> Điểm. Đường thẳng. Đường thẳng cắt nhau, song song. Tia	<b>Nhận biết:</b> - Nhận biết điểm thuộc, không thuộc đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng, điểm nằm giữa. - Nhận biết tia, giao điểm của hai đường thẳng, đường thẳng song, cắt nhau.	4TN + 1TL			

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)**

Em hãy chọn đáp án đúng nhất (0,25 điểm/câu)

**Câu 1. (NB)** Thực hiện phép tính  $\frac{5}{b} + \frac{7}{b} = \dots$

A.  $\frac{12}{b}$

B.  $\frac{12}{2b}$

C.  $\frac{35}{b}$

D.  $\frac{12}{6}$

**Câu 2. (TH)** Cho  $x + \frac{1}{14} = \frac{5}{7}$ . Kết quả giá trị x là:

A.  $\frac{9}{14}$

B.  $\frac{1}{14}$

C.  $\frac{11}{14}$

D.  $\frac{1}{2}$

**Câu 3. (TH)** Cho  $\frac{13}{25} : x = \frac{5}{26}$ . Kết quả giá trị x là :

A.  $\frac{2}{5}$

B.  $\frac{338}{125}$

C.  $\frac{5}{2}$

D.  $\frac{125}{338}$

**Câu 4. (TH)**  $\frac{2}{3}$  của 45 cái kẹo là:

A. 30 cái kẹo

B. 36 cái kẹo

C. 15 cái kẹo

D. 18 cái kẹo

**Câu 5. (TH)** Biết  $\frac{3}{5}$  số học sinh giỏi của lớp 6A là 12 học sinh. Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh giỏi?

A. 12

B. 15

C. 14

D. 20

**Câu 6. (NB)** Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng ?



a)



b)



c)



d)

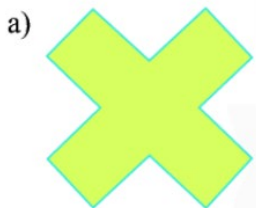
A. Hình a), Hình b), Hình c)

C. Cả 4 hình trên

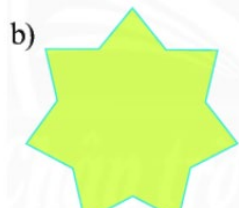
B. Hình a), Hình c), Hình d)

D. Hình b), Hình c), Hình d)

**Câu 7. (NB)** Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng



a)



b)



c)

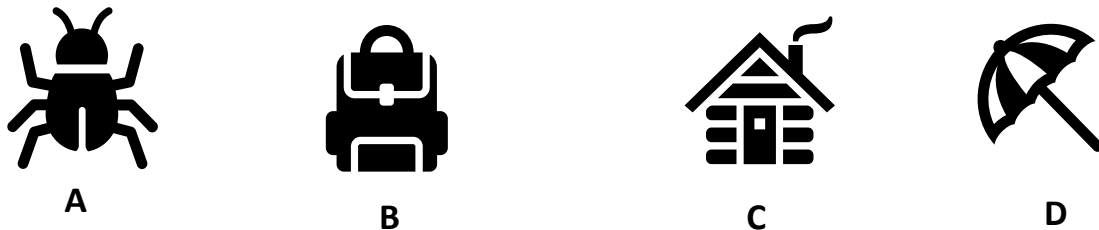
- A. Hình a)                      B. Hình b)                      C. Cả 3 hình trên                      D. Hình c)

**Câu 8. (NB)** Hình nào sau đây có trục đối xứng?

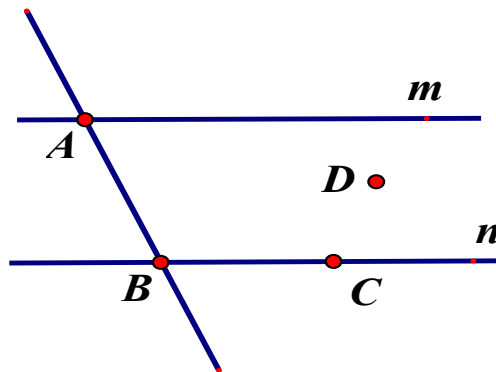


- A. Hình C                      B. Hình D                      C. Hình B                      D. Hình A

**Câu 9. (NB)** Trong các hình dưới đây, hình **không** có trục đối xứng là:



**Câu 10. (NB)** : Cho hình vẽ sau.



Đường thẳng n đi qua điểm nào?

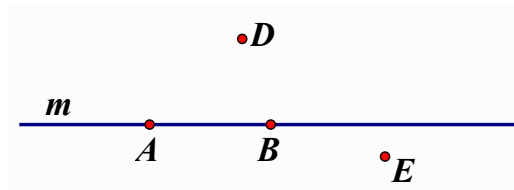
- A. Điểm A                      B. Điểm B và điểm C  
C. Điểm B và điểm D                      D. Điểm D và điểm C

**Câu 11: (NB)** Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau :

Qua 2 điểm C và D phân biệt ta vẽ được :

- A. Không có đường thẳng nào  
B. Chỉ có 1 đường thẳng  
C. Vô số đường thẳng  
D. Có 2 đường thẳng

**Câu 12: (NB)** Cho hình vẽ. Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:



A.  $D \in m$   
B.  $E \notin m$

B.  $E \in m$

C.  $A \in m$

D.

## **PHẦN II: TỰ LUẬN (7,0 điểm)**

**Bài 1.** (1 đ) **(TH)** So sánh hai phân số :  $\frac{-7}{18}$  và  $\frac{5}{-12}$

**Bài 2.** (2,5 đ) Tính :

a) **(TH)**  $\frac{3}{4} + \frac{1}{4} : \left(\frac{-2}{3}\right)$

b) **(TH)** b)  $\frac{4}{11} \cdot \frac{-2}{7} + \frac{4}{11} \cdot \frac{-4}{7} + \frac{4}{11} \cdot \frac{-1}{7}$

c) **(VD)**  $\left(\frac{12}{15} - \frac{9}{12}\right) - \left(\frac{12}{15} + \frac{3}{12}\right)$

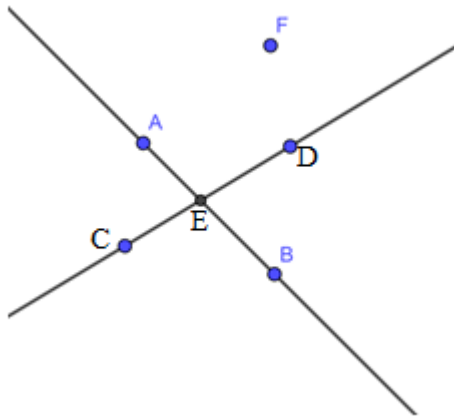
**Bài 3.** (1đ) **(VD)** Bác nông dân thu hoạch 200 kg cà chua. Bác đem bán  $\frac{3}{5}$  số cà chua đó. Hỏi bác nông dân còn lại bao nhiêu ki-lô-gam cà chua?

**Bài 4.** (1đ) **(VDC)** Bạn Minh đọc một quyển truyện hết 3 ngày, ngày thứ nhất đọc được  $\frac{2}{5}$  số trang của quyển truyện, ngày thứ hai đọc được  $\frac{3}{4}$  số trang còn lại, ngày thứ ba đọc tiếp 75 trang thì hết quyển truyện.

a) Hỏi quyển truyện có bao nhiêu trang ?

b) Tính số trang bạn Minh đọc được trong ngày thứ nhất và ngày thứ hai ?

**Bài 5.** (1đ) **(NB)** Cho hình vẽ



a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng .

b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.

c) Điểm nào nằm giữa hai điểm A và B.

d) Kể tên 1 tia gốc E

**Bài 6.** (1đ) **(NB)**

a) Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của hình chữ nhật DEFG.

b) Hãy tìm O là tâm đối xứng của hình bình hành ABCD

—————**HẾT**—————

Họ và tên :.....Số báo danh:  
.....

## HƯỚNG DẪN CHẤM

### I. TRẮC NGHIỆM

1.A	2.A	3.B	4.A	5.D	6.B	7.A	8.A	9.C	10.B	11.B	12.C
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	------	------	------

Phần II: Tự luận (7,0 điểm)

Bài 1:

$\frac{-7}{18} = \frac{-7.2}{18.2} = \frac{-14}{36}$	0,25d
$\frac{5}{-12} = \frac{-5}{12} = \frac{-5.3}{12.3} = \frac{-15}{36}$	0,25d
$\forall \frac{-14}{36} > \frac{-15}{36} \text{ nên } \frac{-7}{18} > \frac{5}{-12}$	0,25d – 0,25d

Bài 2: a)  $\frac{3}{4} + \frac{1}{4} : \left(\frac{-2}{3}\right)$

$$= \frac{3}{4} + \frac{1}{4} \cdot \left(\frac{-3}{2}\right) \quad 0,25d$$

$$= \frac{3}{8} \quad 0,25d$$

b)  $\frac{4}{11} \cdot \frac{-2}{7} + \frac{4}{11} \cdot \frac{-4}{7} + \frac{4}{11} \cdot \frac{-1}{7}$

$$= \frac{4}{11} \cdot \left(\frac{-2}{7} + \frac{-4}{7} + \frac{-1}{7}\right) \quad 0,25d$$

$$= \frac{4}{11} \cdot (-1) = \frac{-4}{11} \quad 0,25d$$

c)  $\left(\frac{12}{15} - \frac{9}{12}\right) - \left(\frac{12}{15} + \frac{3}{12}\right)$

$$= \frac{12}{15} - \frac{9}{12} - \frac{12}{15} - \frac{3}{12} \quad 0,5d$$

$$= \frac{12}{15} - \frac{12}{15} - \frac{9}{12} - \frac{3}{12} \quad 0,25d$$

$$= 0 - \frac{12}{12} = -1 \quad 0,25d$$

Bài 3: a) Số kg cà chua bác đem bán:  $120 \cdot \frac{3}{5} = 80$  (kg) 0,5d

Số kg cà chua còn lại:  $200 - 80 = 120$  (kg) 0,5d

Bài 4: a) Phần số chỉ số trang còn lại sau ngày đọc thứ 1 là :  $1 - \frac{2}{5} = \frac{3}{5}$  (Số trang)

Phần số chỉ số trang đọc được của ngày thứ 2 là :  $\frac{3}{4} \cdot \frac{3}{5} = \frac{9}{20}$  (Số trang)

0,25d

Phần số chỉ số trang đọc được của ngày thứ 3 là :  $1 - \left(\frac{2}{5} + \frac{9}{20}\right) = \frac{3}{20}$  (Số trang)

Số trang của quyển truyện là :  $75 : \frac{3}{20} = 500$  (trang)

0,25d



b) Số trang bạn Minh đọc được trong ngày thứ 1 là :  $500 \cdot \frac{2}{5} = 200$  (trang)  
0,25đ

Số trang bạn Minh đọc được trong ngày thứ 2 là :  $500 \cdot \frac{9}{20} = 225$  (trang)  
0,25đ

Bài 5: a) A, E, B 0,25đ

b) C, E, F 0,25đ

c) điểm E nằm giữa 2 điểm A và B 0,25đ

d) Kể tên 1 tia 0,25đ

Bài 6: a) 0,5đ

b) 0,5đ

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)** Chọn đáp án đúng trong các câu sau:

**Câu 1:** Cho  $\frac{x}{6} = \frac{-2}{3}$ . Giá trị của x bằng bao nhiêu?

- A. 2                                      B. 4                                      C. -2                                      D. -4

**Câu 2:** Kết quả của phép tính  $\frac{3}{4} + \left(\frac{-3}{7}\right) \cdot \frac{14}{9}$  bằng bao nhiêu?

- A.  $\frac{3}{5}$                                       B.  $\frac{-1}{12}$                                       C. 0                                      D.  $\frac{1}{12}$

**Câu 3:** Bạn Hoa làm xong bài tập trong  $\frac{1}{4}$  giờ. Bạn Lan làm nhanh hơn bạn Hoa  $\frac{1}{8}$  giờ. Hỏi bạn Lan làm xong bài tập trong bao lâu?

- A.  $\frac{3}{8}$  giờ                                      B.  $\frac{1}{8}$  giờ                                      C.  $\frac{1}{32}$  giờ                                      D.  $\frac{1}{2}$  giờ

**Câu 4:**  $\frac{7}{10}$  của 40 kg là:

- A. 30 kg                                      B. 15 kg                                      C. 28 kg                                      D.  $\frac{400}{7}$  kg

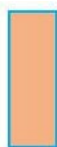
**Câu 5:** Tìm một số biết  $\frac{4}{5}$  của số đó là 20. Số đó là:

- A. 16                                      B. 20                                      C. 25                                      D. 30

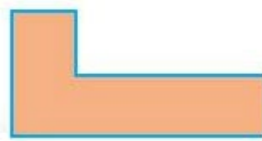
**Câu 6:** Trong các hình sau, hình nào không có trục đối xứng?



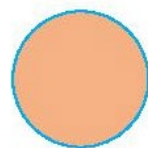
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1                                      B. Hình 2                                      C. Hình 3                                      D. Hình 4

**Câu 7:** Trong các hình sau, hình nào không có tâm đối xứng?

- A. Hình bình hành                                      B. Hình thang cân                                      C. Hình thoi                                      D. Hình vuông

**Câu 8:** Hình nào dưới đây có 1 trục đối xứng?

- A. Hình thang cân                                      B. Hình chữ nhật                                      C. Hình vuông                                      D. Hình bình hành

**Câu 9:** Chọn câu khẳng định sai:

- A. Tính đối xứng thường xuất hiện trong thế giới động, thực vật để giúp chúng cân bằng, vững chắc, hài hòa  
B. Tính đối xứng thường sử dụng nhiều trong công nghệ chế tạo giúp các vật có tính cân bằng,

hài hòa, vững chắc.

C. Tính đối xứng trong hội họa và kiến trúc giúp đem lại cảm hứng cho các họa sĩ và kiến trúc sư.

D. Các vật trong tự nhiên đều có tính đối xứng.

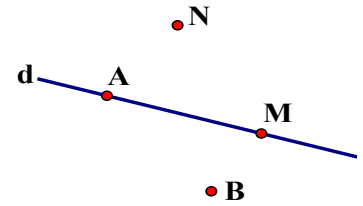
**Câu 10:** Trong hình vẽ bên, điểm nào thuộc đường thẳng d?

A. Điểm A và B

B. Điểm M và B

C. Điểm A và M

D. Điểm B và N



**Câu 11:** Hai đường thẳng cắt nhau là hai đường thẳng có bao nhiêu điểm chung?

A. Vô số điểm chung.

B. 2 điểm chung

C. 3 điểm chung

D. 1 điểm chung

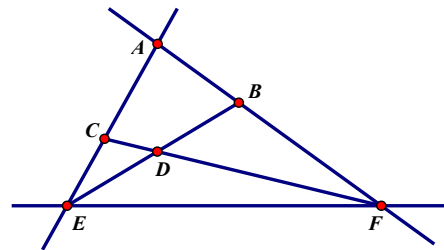
**Câu 12:** Cho hình vẽ bên, nhận xét đúng là:

A. Ba điểm A, E, F thẳng hàng.

B. Ba điểm A, F, D thẳng hàng.

C. Ba điểm E, A, C không thẳng hàng.

D. Ba điểm A, D, C không thẳng hàng.



## II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

**Câu 1 (1,0 điểm):** So sánh hai phân số  $\frac{-5}{12}$  và  $\frac{-23}{30}$

**Câu 2 (2,0 điểm):** Thực hiện các phép tính:

a/  $\frac{-9}{4} : \frac{3}{2} - \left(\frac{-1}{4}\right)$

b/  $\frac{3}{7} \cdot \frac{7}{11} + \frac{3}{7} \cdot \frac{8}{11} - \frac{3}{7} \cdot \frac{4}{11}$

c/  $\left(\frac{8}{13} - \frac{43}{17}\right) - \left(\frac{21}{13} - \frac{43}{17}\right)$

**Câu 3 (1,0 điểm):** Bạn Ngọc có 15 viên kẹo, Ngọc chia cho em  $\frac{1}{3}$  số viên kẹo của mình. Hỏi Ngọc còn bao nhiêu viên kẹo?

**Câu 4 (1,0 điểm):** Ba học sinh cùng nhau xếp các ngôi sao bằng giấy. Bạn thứ nhất xếp được  $\frac{3}{10}$  tổng số ngôi sao. Bạn thứ hai xếp được  $\frac{1}{2}$  tổng số ngôi sao. Bạn thứ ba xếp được 30 ngôi sao.

Hỏi ba bạn đã xếp được tất cả bao nhiêu ngôi sao?

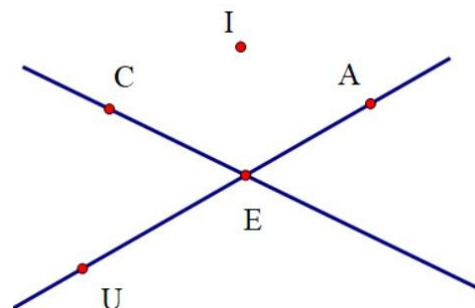
**Câu 5 (1,0 điểm):** Cho hình vẽ sau:

a/ Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng.

b/ Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.

c/ Điểm nào nằm giữa hai điểm A và U.

d/ Viết tên một tia có điểm gốc E.



**Câu 6 (1,0 điểm):**

a) Hãy vẽ một trục đối xứng của tam giác đều ABC.

b) Hãy vẽ hình bình hành ABCD và tìm điểm I là tâm đối xứng của hình bình hành đó.

HẾT

**Phần I: Trắc nghiệm khách quan (0,25 điểm/câu)**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	D	B	C	C	C	B	A	D	C	D	D

**Phần II: Tự luận:**

Câu	Nội dung	Điểm
1 1,0đ	So sánh hai phân số $\frac{-5}{12}$ và $\frac{-23}{30}$	0,5
	$\frac{-5}{12} = \frac{-25}{60}$ $\frac{-23}{30} = \frac{-46}{60}$ <p>Vi <math>-25 &gt; -46</math></p> <p>Nên <math>\frac{-25}{60} &gt; \frac{-46}{60}</math></p> <p>Vậy <math>\frac{-5}{12} &gt; \frac{-23}{30}</math></p>	
2a 0,5đ	$\frac{-9}{4} : \frac{3}{2} - \left(\frac{-1}{4}\right)$	
	$= \frac{-3}{2} + \frac{1}{4}$	0,25
	$= \frac{-5}{4}$	0,25
2b 0,5đ	$\frac{3}{7} \cdot \frac{7}{11} + \frac{3}{7} \cdot \frac{8}{11} - \frac{3}{7} \cdot \frac{4}{11}$	
	$= \frac{3}{7} \cdot \left(\frac{7}{11} + \frac{8}{11} - \frac{4}{11}\right)$	0,25
	$= \frac{3}{7} \cdot 1$	
	$= \frac{3}{7}$	0,25
2c 1,0đ	$\left(\frac{8}{13} - \frac{43}{17}\right) - \left(\frac{21}{13} - \frac{43}{17}\right)$	

	$= \frac{8}{13} - \frac{43}{17} - \frac{21}{13} + \frac{43}{17}$	0,5
	$= \frac{8}{13} - \frac{21}{13} + \frac{43}{17} - \frac{43}{17}$	0,25
	$= -1$	0,25
<b>3</b> <b>1,0đ</b>	Số viên kẹo Ngọc đã chia cho em là: $15 \cdot \frac{1}{3} = 5$ (viên kẹo)	0,75
	Số kẹo Ngọc còn lại là: $15 - 5 = 10$ (viên kẹo)	0,25
<b>4</b> <b>1,0đ</b>	Phân số chỉ số ngôi sao bạn thứ ba xếp được là: $1 - \left( \frac{3}{10} + \frac{1}{2} \right) = \frac{1}{5}$ (tổng số ngôi sao)	0,5
	Số ngôi sao cả 3 bạn xếp được là: $30 : \frac{1}{5} = 150$ (ngôi sao)	0,5
<b>5</b> <b>1,0đ</b>	a/ Ba điểm thẳng hàng là U, A, E	0,25
	b/ Ba điểm không thẳng hàng là C, A, E	0,25
	c/ Điểm E nằm giữa hai điểm A và U	0,25
	d/ Tên một tia gốc E là tia EA	0,25
<b>6a</b> <b>0,5đ</b>	HS vẽ đúng tam giác đều	0,5
	HS vẽ đúng trục đối xứng	
<b>6b</b> <b>0,5đ</b>	HS vẽ đúng hình bình hành	0,25
	HS vẽ đúng tâm đối xứng	0,25

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm). Hãy chọn đáp án đúng nhất trong các đáp án sau:**

**Câu 1.**  $\frac{2}{5} + \frac{-3}{4}$  có kết quả là:

A.  $\frac{-7}{20}$

B.  $\frac{7}{20}$

C.  $\frac{-6}{21}$

D.  $\frac{-7}{10}$

**Câu 2.** Tìm x biết  $x + \frac{1}{2} = 2$

A.  $\frac{5}{4}$

B.  $\frac{3}{8}$

C.  $\frac{3}{2}$

D.  $\frac{1}{4}$

**Câu 3.** Cho  $\frac{1}{3} \cdot x = \frac{8}{3}$ . Kết quả giá trị x là :

A. 4

B. 7

C. 8

D.  $\frac{7}{3}$

**Câu 4.** Tính giá trị  $\frac{1}{4}$  của -80 là:

A. 20

B. -20

C. -76

D. 76

**Câu 5.** Biết  $\frac{2}{5}$  của một số là 40. Số đó là:

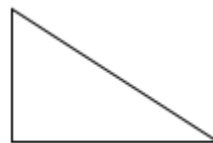
A. 100

B. 16

C. - 100

D. 8

**Câu 6.** Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng?



Hình chữ nhật

Hình thang

Hình tam giác vuông

Hình bình hành

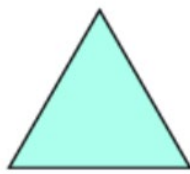
A. Hình bình hành

B. Hình tam giác vuông

C. Hình chữ nhật

D. Hình thang.

**Câu 7.** Cho các hình vẽ sau. Có bao nhiêu hình có tâm đối xứng?



Tam giác đều



Cánh quạt



Trái tim



Cánh diều

A. 4

B. 3

C. 2

D. 1

**Câu 8.** Tính đối xứng giúp cho sự vật:

A) Cân bằng, vững chắc;

B) Hòa hòa;

C) Đẹp mắt,

D) Cả ba câu A,B,C.

**Câu 9.** Chọn câu khẳng định sai

A. Tính đối xứng thường xuất hiện trong thế giới động, thực vật để giúp chúng cân bằng, vững chắc, hài hòa.

B. Tính đối xứng được sử dụng nhiều trong công nghệ chế tạo giúp các vật có tính cân bằng, hài hòa, vững chắc.

C. Tính đối xứng trong hội họa và kiến trúc giúp đem lại cảm hứng cho các họa sĩ và kiến trúc sư

D. Các vật trong tự nhiên đều có tính đối xứng.

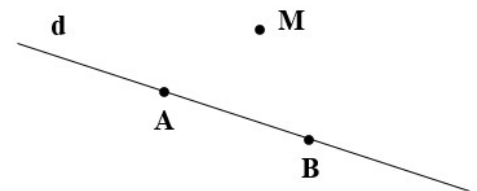
**Câu 10.** Cho hình vẽ, đường thẳng  $d$  không đi qua điểm nào?

A. Điểm M

B. Điểm A

C. Điểm A, M

D. Điểm A, B



**Câu 11.** Hai đường thẳng cắt nhau tạo thành mấy tia?

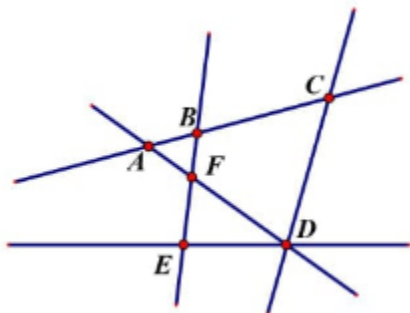
A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

**Câu 12.** Trong hình vẽ bên số bộ ba điểm thẳng hàng là



A. 5 bộ.

B. 4 bộ.

C. 3 bộ.

D. 1 bộ.

## PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

**Bài 1.** (1,0đ) So sánh hai phân số :  $\frac{-7}{18}$  và  $\frac{5}{-12}$

**Bài 2.** (2,0 đ) Tính :

a)  $\frac{1}{5} + \frac{4}{5} \cdot \left(\frac{-1}{2}\right)$

b)  $\frac{3}{10} \cdot \frac{9}{16} + \frac{3}{10} \cdot \frac{7}{16}$

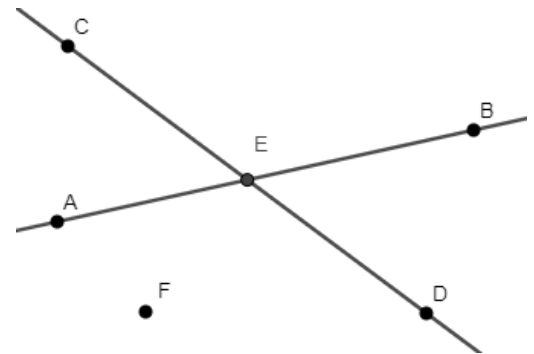
c)  $\left(\frac{-13}{25} + \frac{7}{11}\right) - \left(\frac{-4}{11} - \frac{13}{25}\right)$

**Bài 3.** (1đ) Lớp 6A có 42 học sinh. Số học sinh tham gia đội nghi thức chiếm  $\frac{1}{3}$  tổng số học sinh cả lớp. Tính số học sinh không tham gia đội nghi thức của lớp 6A.

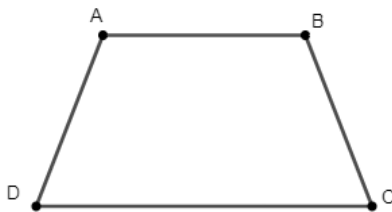
**Bài 4.** (1đ) Bạn An đọc 1 quyển truyện trong ba ngày. Ngày đầu, bạn đọc được  $\frac{1}{3}$  tổng số trang. Ngày thứ hai, bạn đọc được  $\frac{5}{8}$  số trang còn lại. Ngày thứ ba, bạn đọc hết 9 trang cuối. Hỏi bạn An đọc quyển truyện bao nhiêu trang?

**Bài 5.** (1đ) Cho hình vẽ:

- Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng.
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm nào nằm giữa hai điểm A và B?
- Kể tên một tia gốc D.



**Bài 6.** (1đ) Cho hình vẽ sau



- Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của hình thang cân ABCD.
- Hãy vẽ O là tâm đối xứng của hình chữ nhật MNPQ.



# ĐÁP ÁN

## PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: mỗi câu đúng 0,25 điểm

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	C	C	B	A	C	D	D	D	A	B	C

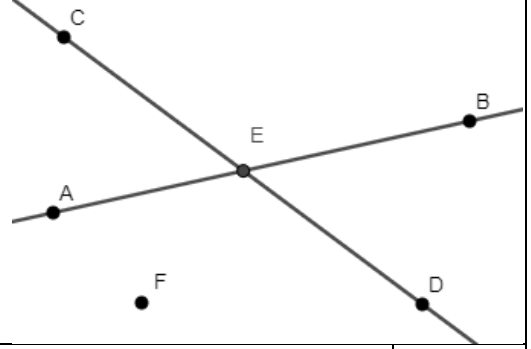
## PHẦN II. TỰ LUẬN:

Bài	Đáp án	Điểm
1	<b>Bài 1 (1,0 điểm)</b> So sánh hai phân số : $\frac{-7}{18}$ và $\frac{5}{-12}$	
	$\frac{-7}{18} = \frac{-7.2}{18.2} = \frac{-14}{36}$ $\frac{5}{-12} = \frac{-5.3}{12.3} = \frac{-15}{36}$ Vì $\frac{-14}{36} > \frac{-15}{36}$ Nên $\frac{-7}{18} > \frac{5}{-12}$	0,25x2  0,25x2
2	<b>Bài 2. (2,0 điểm)</b> Tính : a) $\frac{1}{5} + \frac{4}{5} \cdot \left(\frac{-1}{2}\right)$ b) $\frac{3}{10} \cdot \frac{9}{16} + \frac{3}{10} \cdot \frac{7}{16}$ c) $\left(\frac{-13}{25} + \frac{7}{11}\right) - \left(\frac{-4}{11} - \frac{13}{25}\right)$	
2a	a) $\frac{1}{5} + \frac{4}{5} \cdot \left(\frac{-1}{2}\right)$ $= \frac{1}{5} + \frac{-2}{5}$ $= -\frac{1}{5}$	0,25  0,25
2b	b) $\frac{3}{10} \cdot \frac{9}{16} + \frac{3}{10} \cdot \frac{7}{16}$ $= \frac{3}{10} \left(\frac{9}{16} + \frac{7}{16}\right)$ $= \frac{3}{10} \cdot 1 = \frac{3}{10}$	0,25  0,25

2c	$c) \left( \frac{-13}{25} + \frac{7}{11} \right) - \left( \frac{-4}{11} - \frac{13}{25} \right)$ $= \frac{-13}{25} + \frac{7}{11} + \frac{4}{11} + \frac{13}{25}$ $= \left( \frac{-13}{25} + \frac{13}{25} \right) + \left( \frac{7}{11} + \frac{4}{11} \right)$ $= 0 + 1$ $= 1$	<p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
3	<p><b>Bài 3: (1 điểm)</b> Lớp 6A có 42 học sinh, số học sinh tham gia đội nghi thức chiếm <math>\frac{1}{3}</math> tổng số học sinh cả lớp. Tính số học sinh không tham gia đội nghi thức của lớp 6A.</p>	
	<p>Số học sinh tham gia đội nghi thức:</p> $42 \cdot \frac{1}{3} = 14 \text{ ( học sinh)}$ <p>Số học sinh không tham gia đội nghi thức:</p> $42 - 14 = 28 \text{ (học sinh)}$	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
4	<p><b>Bài 4: (1 điểm)</b> Bạn An đọc 1 quyển truyện trong ba ngày. Ngày đầu, bạn đọc được <math>\frac{1}{3}</math> tổng số trang. Ngày thứ hai, bạn đọc được <math>\frac{5}{8}</math> số trang còn lại. Ngày thứ ba, bạn đọc hết 9 trang cuối. Hỏi bạn An đọc quyển truyện bao nhiêu trang?</p>	
	<p>Phân số chỉ số trang ngày thứ 2 bạn An đọc :</p> $\frac{5}{8} \cdot \left( 1 - \frac{1}{3} \right) = \frac{5}{12} \text{ (tổng số trang)}$ <p>Phân số chỉ số trang ngày thứ 3 bạn An đọc:</p> $1 - \frac{1}{3} - \frac{5}{12} = \frac{1}{4} \text{ (tổng số trang)}$ <p>Số trang quyển truyện bạn An đọc:</p> $9 : \frac{1}{4} = 36 \text{ (trang)}$	<p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
5	<p>a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng.</p> <p>b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.</p>	

c) Điểm nào nằm giữa hai điểm A và B?

d) Kể tên một tia gốc D.



5	Mỗi câu đúng 0,25đ	4x0,25
6	Vẽ mỗi câu đúng 0,5đ	2x0,5

<b>UBND QUẬN BÌNH THẠNH</b> <b>TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ</b> <b>YÊN THẾ</b> <b>ĐỀ THAM KHẢO</b>	<b>ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II</b> <b>NĂM HỌC 2024 – 2025</b> <b>MÔN: TOÁN - LỚP: 6</b> <b>Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)</b>
---	--

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 ĐIỂM)**

**Câu 1.** Kết quả của phép tính  $\frac{-3}{5} + \frac{2}{7}$  là:

- A.  $\frac{-11}{35}$                       B.  $\frac{11}{35}$                       C.  $\frac{-31}{35}$                       D.  $\frac{31}{35}$

**Câu 2.** Cho  $\frac{7}{8} \cdot x = \frac{14}{5}$ . Kết quả giá trị  $x$  là:

- A.  $\frac{49}{20}$                       B.  $\frac{16}{5}$                       C.  $\frac{5}{16}$                       D.  $\frac{77}{40}$

**Câu 3.** Cho  $x + \frac{1}{3} = \frac{-4}{5}$ . Kết quả giá trị  $x$  là:

- A.  $\frac{17}{15}$                       B.  $\frac{-4}{15}$                       C.  $\frac{-17}{15}$                       D.  $\frac{-12}{5}$

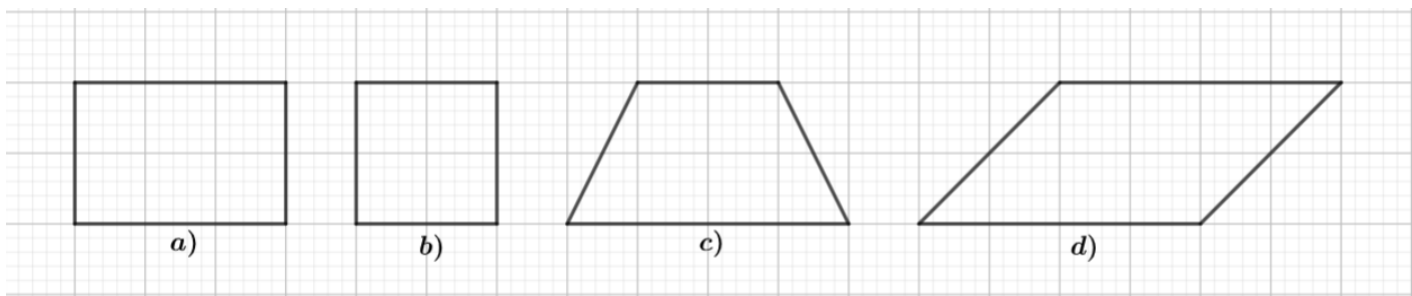
**Câu 4.**  $\frac{5}{6}$  của 60 là:

- A. 40                      B. 60                      C. 72                      D. 50

**Câu 5.** Tìm một số biết  $\frac{2}{3}$  của nó là 36. Số đó là:

- A. 24                      B. 54                      C. 60                      D. 72

**Câu 6.** Trong các hình sau, hình nào không có trục đối xứng?



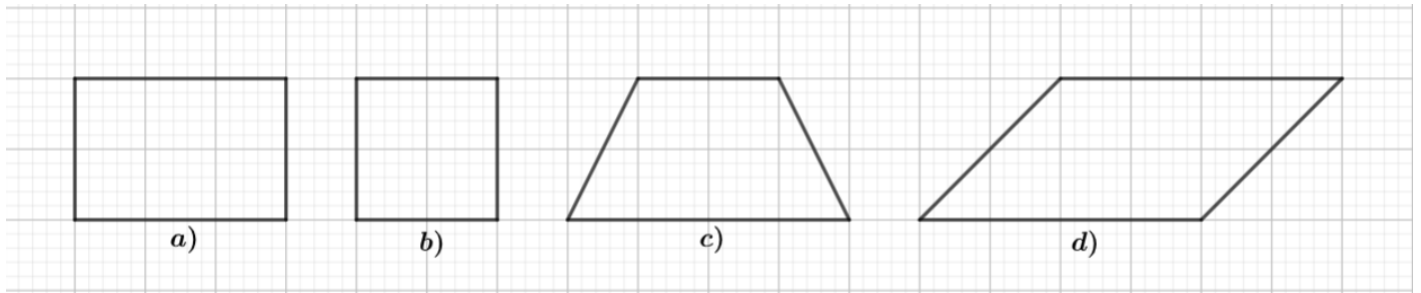
A. Hình a)

B. Hình b)

C. Hình c)

D. Hình d)

**Câu 7.** Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng?



A. Hình a); hình b); hình c)

B. Hình a); hình b); hình d)

C. Hình a); hình c); hình d)

D. Hình b); hình c); hình d)

**Câu 8.** Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 1 và hình 2

D. Không có hình nào cả

**Câu 9.** Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng?



Hình bông hoa



Hình chiếc lá

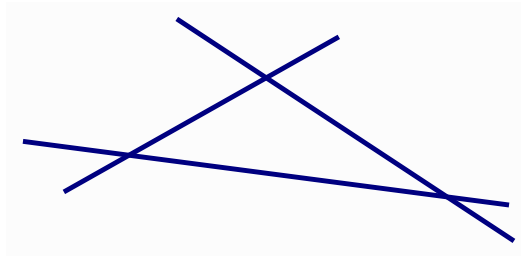
A. Hình bông hoa

B. Hình chiếc lá

C. Hình bông hoa và hình chiếc lá

D. Không có hình nào cả

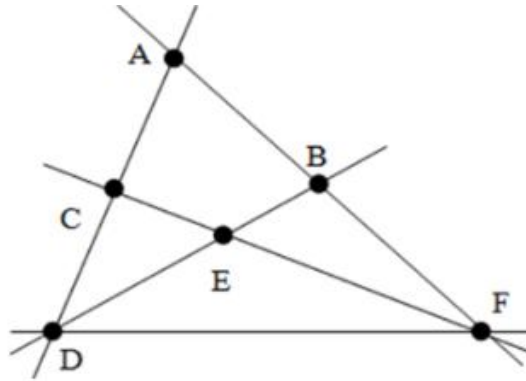
**Câu 10.** Cho hình vẽ.



Số giao điểm tạo bởi ba đường thẳng trong hình trên là:

- A. 1                      B. 2                      C. 3                      D. 4

**Câu 11.** Cho hình vẽ. Chọn phát biểu sai.



- A. Ba điểm  $A, C, D$  thẳng hàng                      B. Ba điểm  $A, B, F$  thẳng hàng  
 C. Ba điểm  $D, E, B$  thẳng hàng                      D. Ba điểm  $A, D, F$  thẳng hàng

**Câu 12.** Chọn khẳng định đúng

- A. Có một và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt cho trước.  
 B. Có hai đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt cho trước.  
 C. Có ba đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt cho trước.  
 D. Có vô số đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt cho trước.

**II- TỰ LUẬN. (7,0 điểm)**

**Câu 1. (1,0 điểm)** So sánh hai phân số:  $\frac{-4}{9}$  và  $\frac{-3}{5}$ .

**Câu 2. (2,0 điểm)** Tính (Tính hợp lý nếu có thể)

a)  $\frac{-5}{9} \cdot \frac{18}{3} - \frac{1}{3}$

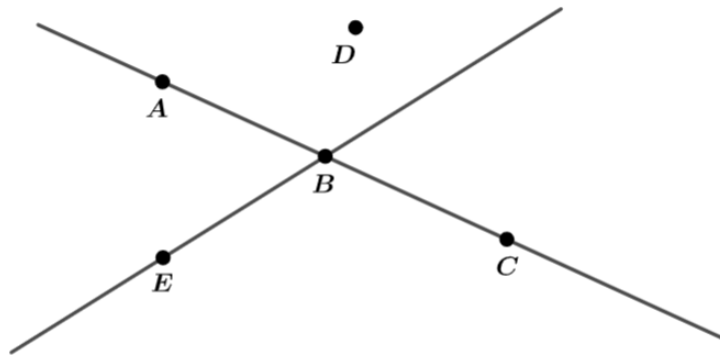
b)  $\frac{-3}{8} \cdot \frac{5}{11} + \frac{-3}{8} \cdot \frac{4}{11} + \frac{-3}{8} \cdot \frac{2}{11}$

$$c) \left( \frac{1}{6} - \frac{19}{25} \right) - \left( \frac{5}{6} - \frac{19}{25} \right)$$

**Câu 3. (1,0 điểm)** Bạn Bình đọc một cuốn sách dày 80 trang trong hai ngày. Ngày thứ nhất bạn đọc được  $\frac{2}{5}$  số trang của cuốn sách. Hỏi ngày thứ hai bạn đọc được bao nhiêu trang của cuốn sách?

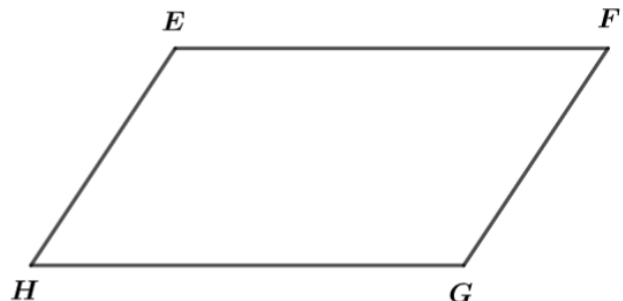
**Câu 4. (1,0 điểm)** Một đội công nhân thi công đào một quãng đường. Ngày thứ nhất đào được  $\frac{1}{2}$  quãng đường, ngày thứ hai đào được  $\frac{1}{3}$  quãng đường. Biết ngày thứ ba đội đào được 30 m đường là xong công việc. Hỏi quãng đường đội công nhân nhận thi công dài bao nhiêu mét?

**Câu 5. (1,0 điểm)** Cho hình vẽ



- Kẻ tên một bộ ba điểm thẳng hàng.
- Kẻ tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm nào nằm giữa  $A$  và  $C$ .
- Kẻ tên một tia gốc  $A$ .

**Câu 6. (1,0 điểm)** Cho hình vẽ



- Hãy vẽ các trục đối xứng  $d$  và  $d'$  của hình chữ nhật  $ABCD$ .
- Hãy tìm  $I$  là tâm đối xứng của hình bình hành  $EFGH$ .

<b>UBND QUẬN BÌNH THẠNH</b> <b>TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ</b> <b>YÊN THẾ</b> <b>ĐỀ MINH HỌA</b>	<b>ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II</b> <b>NĂM HỌC 2024 – 2025</b> <b>MÔN: TOÁN - LỚP: 6</b> Thời gian: <b>90 phút</b> (Không kể thời gian phát đề)
--	---

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: mỗi câu đúng 0,25 điểm**

<b>Câu</b>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>Đáp án</b>	A	B	C	D	B	D	B	A	A	C	D	A

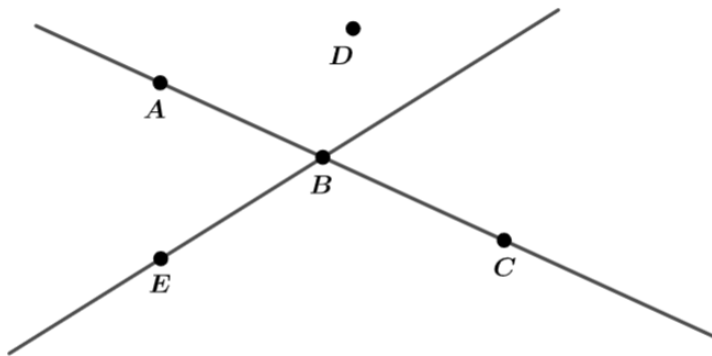
**PHẦN II. TỰ LUẬN:**

<b>Bài</b>	<b>Đáp án</b>	<b>Điểm</b>
<b>1</b>	<b>Câu 1. (1,0 điểm)</b> So sánh hai phân số $\frac{-4}{9}$ và $\frac{-3}{5}$ .	
<b>1</b>	$\frac{-4}{9} = \frac{(-4) \cdot 5}{9 \cdot 5} = \frac{-20}{45}$ $\frac{-3}{5} = \frac{(-3) \cdot 9}{5 \cdot 9} = \frac{-27}{45}$ Vì $-20 > -27$ và $45 > 0$ nên $\frac{-20}{45} > \frac{-27}{45}$ . Vậy $\frac{-4}{9} > \frac{-3}{5}$	0,5  0,5
<b>2</b>	<b>Câu 2. (2,0 điểm)</b> Tính (Tính hợp lý nếu có thể) c) $\frac{-5}{9} \cdot \frac{18}{3} - \frac{1}{3}$ d) $\frac{-3}{8} \cdot \frac{5}{11} + \frac{-3}{8} \cdot \frac{4}{11} + \frac{-3}{8} \cdot \frac{2}{11}$ e) $\left(\frac{1}{6} - \frac{19}{25}\right) - \left(\frac{5}{6} - \frac{19}{25}\right)$	
<b>2a</b>	$\frac{-5}{9} \cdot \frac{18}{3} - \frac{1}{3} = \frac{-10}{3} - \frac{1}{3}$ $= \frac{-11}{3}$	1,0



2b	$\frac{-3}{8} \cdot \frac{5}{11} + \frac{-3}{8} \cdot \frac{4}{11} + \frac{-3}{8} \cdot \frac{2}{11} = \frac{-3}{8} \cdot \left( \frac{5}{11} + \frac{4}{11} + \frac{2}{11} \right)$ $= \frac{-3}{8} \cdot 1$ $= \frac{-3}{8}$	0,5
2c	$\left( \frac{1}{6} - \frac{19}{25} \right) - \left( \frac{5}{6} - \frac{19}{25} \right) = \frac{1}{6} - \frac{19}{25} - \frac{5}{6} + \frac{19}{25}$ $= \left( \frac{1}{6} - \frac{5}{6} \right) + \left( \frac{19}{25} - \frac{19}{25} \right)$ $= \frac{-2}{3}$	0,5
3	<p><b>Câu 3. (1,0 điểm)</b> Bạn Bình đọc một cuốn sách dày 80 trang trong hai ngày. Ngày thứ nhất bạn đọc được <math>\frac{2}{5}</math> số trang của cuốn sách. Hỏi ngày thứ hai bạn đọc được bao nhiêu trang của cuốn sách?</p>	
3	<p>Ngày thứ nhất bạn Bình đọc được: <math>\frac{2}{5} \cdot 80 = 32</math> (trang)</p> <p>Ngày thứ hai bạn Bình đọc được: <math>80 - 32 = 48</math> (trang)</p>	0,5 0,5
4	<p><b>Câu 4. (1,0 điểm)</b> Một đội công nhân thi công đào một quãng đường. Ngày thứ nhất đào được <math>\frac{1}{2}</math> quãng đường, ngày thứ hai đào được <math>\frac{1}{3}</math> quãng đường. Biết ngày thứ ba đội đào được 30 m đường là xong công việc. Hỏi quãng đường đội công nhân nhận thi công dài bao nhiêu mét?</p>	
4	<p>Phần số chỉ quãng đường đội công nhân đào được trong ngày thứ ba:</p> $1 - \frac{1}{2} - \frac{1}{3} = \frac{1}{6}$ (quãng đường) <p>Quãng đường đội công nhân nhận thi công dài:</p> $30 : \frac{1}{6} = 180 \text{ (m)}$	0,5 0,5

5 Câu 5. (1,0 điểm) Cho hình vẽ



- Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng.
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm nào nằm giữa  $A$  và  $C$ .
- Kể tên một tia gốc  $A$ .

- $A, B, C$  thẳng hàng.
- $A, B, D$  không thẳng hàng.
- Điểm  $B$  nằm giữa điểm  $A$  và điểm  $C$ .
- Tia gốc  $A$  là tia  $AB$ .

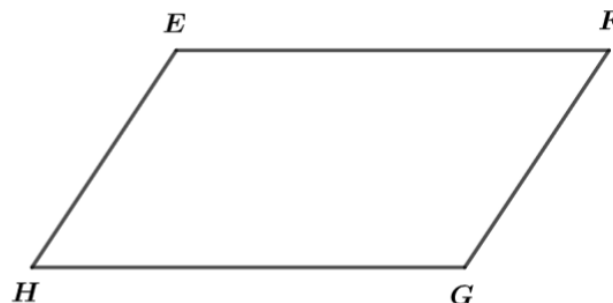
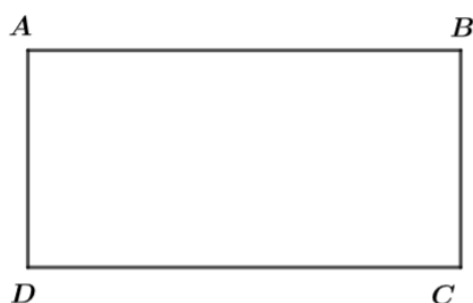
0,25

0,25

0,25

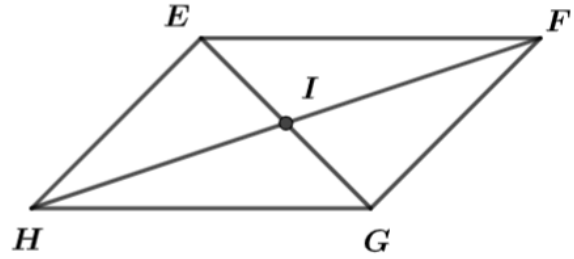
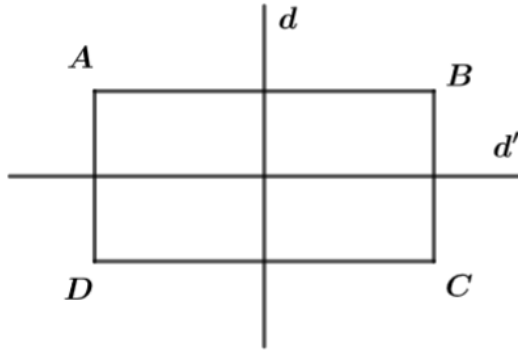
0,25

6 Câu 6. (1,0 điểm) Cho hình vẽ



- Hãy vẽ các trục đối xứng  $d$  và  $d'$  của hình chữ nhật  $ABCD$ .
- Hãy tìm  $I$  là tâm đối xứng của hình bình hành  $EFGH$ .

6



1,0

**Lưu ý:**

- Học sinh làm bài trình bày cách khác, giáo viên vận dụng thang điểm để chấm.
- Tổ bộ môn thống nhất thang điểm chấm các bài.

-----Hết-----

Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

**I. Trắc nghiệm khách quan:** (3 điểm\_ 0,25điểm/câu)**Chọn đáp án đúng nhất cho các câu sau.****Câu 1:** Kết quả của biểu thức:  $6 - 6 : 3 \cdot 2$  bằng:

- A) 0,                      B) 2,                      C) 5,                      D) 6.

**Câu 2:**  $5^{90} : 5^{30}$  bằng:

- A)
- $1^3$
- ;                      B)
- $1^{60}$
- ;                      C)
- $5^3$
- ;                      D)
- $5^{60}$
- .

**Câu 3:** Số nào sau đây chia hết cho cả 5 và 9:

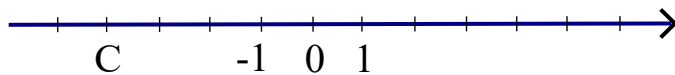
- A) 225;                      B) 126;                      C) 120;                      D) 780.

**Câu 4:** Số đối của 6 là:

- A) 6;                      B) -6;                      C)
- $-(-6)$
- ;                      D) 0.

**Câu 5:** Tập hợp tất cả các ước số nguyên của 2 là:

- A)
- $\{1; 2\}$
- ;                      B)
- $\{-1; -2\}$
- ;                      C)
- $\{1; 2; -1; -2\}$
- ;                      D)
- $\{0; 2; 4; 6; 8 \dots\}$
- .

**Câu 6:** Điểm C trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?

- A) 2;                      B) 6;                      C) 4;                      D) -4.

**Câu 7:** Kết quả của biểu thức:  $54 \cdot (-12) + (-12) \cdot 46$  bằng:

- A) -1200                      B) 1200                      C) -100                      D) -88

**Câu 8:** Khẳng định nào sau đây sai:

- A) Hình tam giác đều có 3 cạnh bằng nhau;
- 
- B) Hình chữ nhật có 4 cạnh bằng nhau;
- 
- C) Hình vuông có 4 cạnh bằng nhau;
- 
- D) Hình lục giác đều có 6 cạnh bằng nhau.

**Câu 9:** Cho tam giác đều ABC với  $AB = 3$  cm. Độ dài cạnh AC là:

- A) 1cm;                      B) 3cm;                      C) 9cm;                      D) 6cm.

**Câu 10:** Kết quả học tập của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau:

Kết quả học tập	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Số HS	20	10	5	2

Số học sinh của lớp 6A là:

- A) 20;                      B) 10;                      C) 30;                      D) 37.

**Câu 11:** Điểm kiểm tra thường xuyên môn Toán của Tổ 1 lớp 6A được ghi lại như sau:

Tên	An	Bình	Khánh	Hà	Vũ	Toàn	Minh	Phúc	Thủy	Hiếu
Điểm	7	9	8	9	6	10	9	7	10	8

Có bao nhiêu bạn đạt từ điểm 9 trở lên?

- A) 3 bạn;                      B) 4 bạn;                      C) 5 bạn;                      D) 6 bạn.

**(Lưu ý: Đề kiểm tra có 2 mặt)**

**Câu 12:** Danh sách dự thi văn nghệ của lớp 6A:

STT	Họ và tên
1	Nguyễn Thị Hằng
2	Trần Ngọc Mai
3	0979715255
4	Bùi Ánh Hồng

Bạn số mấy cung cấp thông tin không hợp lí?

- A) 1;                      B) 2;                      C) 3;                      D) 4.

**II. Tự luận ( 7 điểm):**

**Bài 1:** (1,5 điểm)

- a) Trong các số tự nhiên nhỏ hơn 10, số nào là hợp số, số nào là số nguyên tố?  
 b) Trong các số sau: 225; 720; 4230; 432; 1200; 17820, số nào chia hết cho cả 2; 3; 5; 9?  
 c) Tìm tập hợp các ước tự nhiên của 28.

**Bài 2** (1,5 điểm)Thực hiện phép tính (Tính hợp lý nếu có thể):

- a)  $427 + 272 + 140 + 573 + 328$ ;  
 b)  $450 + \{5 \cdot [60 : (6 - 4 \cdot 8^0)] - 5^2\}$ .

**Bài 3** (1,75 điểm)

- a) Tìm số nguyên x biết:  $73 - 3 \cdot (x + 4) = 70$ .  
 b) Học sinh khối 6 của một trường khi xếp thành 8 hàng, 10 hàng hay 12 hàng thì đều đủ hàng. Tính số học sinh khối 6 của trường đó biết rằng số học sinh trong khoảng 300 đến 400 học sinh?

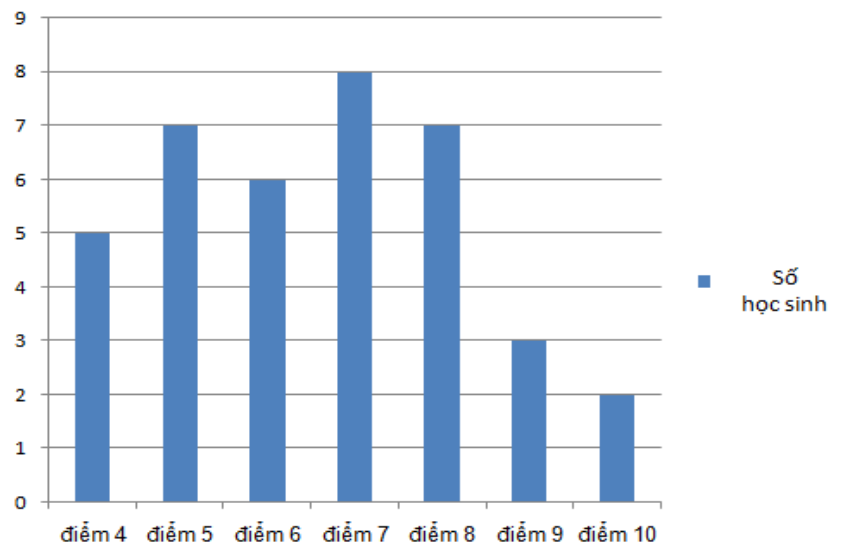
**Bài 4** (1,25 điểm).

Bác Ba có một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 8m và chiều rộng 7m.

- a) Tính chu vi khu vườn.  
 b) Bác Ba làm một ao cá hình vuông có cạnh 3m ở giữa khu vườn. Bác trồng thảm cỏ ở phần còn lại của khu vườn. Biết chi phí để trồng mỗi mét vuông cỏ là 80 000 đồng. Hỏi Bác Ba phải trả bao nhiêu tiền để trồng thảm cỏ này?

**Bài 5** (1 điểm). Hình bên là biểu đồ biểu diễn điểm kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A.

- a) Điểm nào chiếm nhiều nhất?  
 b) Lớp 6A có bao nhiêu học sinh?



----Hết---

Họ tên học sinh: .....Số báo danh: .....

## ĐÁP ÁN MÔN TOÁN LỚP 6

### I. TRẮC NGHIỆM: mỗi câu đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	B	D	A	B	C	D	A	B	B	D	C	C

### II. Tự luận ( 7 điểm):

#### Bài 1: (1,5 điểm)

a) Trong các số tự nhiên nhỏ hơn 10,

Hợp số là: 4; 6; 8; 9. 0,25đ

Số nguyên tố là: 2; 3; 5; 7. 0,25đ

(Kể thiếu, dư, hoặc sai: **0đ.**)

b) Trong các số sau: 225; 720; 4230; 432; 1200; 17820, số chia hết cho cả 2; 3; 5; 9 là:  
720; 4230; 17820. 0,5đ

(Kể dư, sai 1 số: trừ 0,25).

c) Tập hợp các ước tự nhiên của 28 là: {1; 2; 4; 7; 14; 28}. 0,5đ

(Thiếu{,} : trừ 0,25.)

#### Bài 2 (1,5 điểm)Thực hiện phép tính (Tính hợp lý nếu có thể):

a)  $427 + 272 + 140 + 573 + 328$

$$= (427 + 573) + (272 + 328) + 140$$

**0,25đ**

$$= 1000 + 600 + 140$$

**0,25đ**

$$= 1740$$

**0,25đ**

(Thiếu ()): không trừ điểm)

b)  $450 + \{5 \cdot [60 : (6 - 4 \cdot 8^0)] - 5^2\}$

$$= 450 + \{5 \cdot [60 : (6 - 4 \cdot 1)] - 25\}$$

**0,25đ**

$$= 450 + \{5 \cdot [60 : 2] - 25\}$$

$$= 450 + \{5 \cdot 30 - 25\}$$

**0,25đ**

$$= 450 + \{150 - 25\}$$

$$= 450 + 125$$

$$= 575$$

**0,25đ**

*Cứ thiếu 2 dòng trừ 0,25đ.*

#### Bài 3 (1,75 điểm)

a)  $73 - 3 \cdot (x + 4) = 70$  0,75đ

$$3 \cdot (x + 4) = 73 - 70$$

$$3 \cdot (x + 4) = 3$$

**0,25đ**

$$(x + 4) = 3 : 3$$

$$x + 4 = 1 \quad \mathbf{0,25đ}$$

$$x = 1 - 4$$

$$x = -3 \quad \mathbf{0,25đ}$$

b) **(1đ)** Gọi x là số học sinh khối 6 của trường đó.

[Suy ra  $x \div 8$ ;  $x \div 10$ ;  $x \div 12$ ]

Do đó  $x \in BC(8, 10, 12)$  **0,25đ**

$$[8 = 2^3; \quad 10 = 2.5; \quad 12 = 3.2^2 \quad ]$$

BCNN  $(8, 10, 12) [= 2^3 \cdot 3 \cdot 5] = 120$  **0,25đ**

BC  $(8, 10, 12) = B(120) = \{0; 120; 240; 360; 480; \dots\}$  **0,25đ**

Do số học sinh có khoảng từ 300 đến 400 nên  $x = 360$  **0,25đ**

[Vậy số học sinh khối 6 của trường là 360 học sinh.]

#### **Bài 4 (1,25 điểm).**

a) Chu vi khu vườn:  $(8 + 7).2 = 30$  (m). **0,25đ + 0,25đ**

b) Diện tích ao cá:  $3.3 = 9$  (m<sup>2</sup>)

Diện tích khu vườn:  $8.7 = 56$  (m<sup>2</sup>) **0,25đ**

Diện tích thảm cỏ:  $56 - 9 = 47$  (m<sup>2</sup>) **0,25đ**

Số tiền Bác Ba phải trả:

$$47 \cdot 80\,000 = 3\,760\,000 \text{ (đ)} \quad \mathbf{0,25đ}$$

*Thiếu hoặc sai đơn vị: "tha".*

#### **Bài 5 (1 điểm).**

a) Điểm chiếm nhiều nhất là: điểm 7. **0,5đ**

b) Số học sinh lớp 6A là:

$$5 + 7 + 6 + 8 + 7 + 3 + 2 = 38 \text{ (hs)} \quad \mathbf{0,5đ}$$

**ĐỀ THAM KHẢO**

(Đề kiểm tra có 03 trang)

**PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 ĐIỂM).**

**Câu 1. (NB)** Chọn đáp án đúng. Kết quả của phép tính  $\frac{3}{4} + \frac{4}{5}$

A.  $\frac{31}{20}$

B.  $\frac{13}{20}$

C.  $\frac{17}{20}$

D.  $\frac{3}{4}$

**Câu 2. (TH)** Cho  $x - \frac{2}{3} = \frac{2}{5}$  Kết quả giá trị x là:

A.  $\frac{-7}{15}$

B.  $\frac{16}{15}$

C.  $\frac{-1}{15}$

D.  $\frac{-4}{15}$

**Câu 3. (TH)** Cho  $\frac{2}{5} : x = \frac{1}{3}$ . Kết quả giá trị x là:

A. 1

B.  $\frac{6}{5}$

C.  $\frac{3}{5}$

D.  $\frac{7}{5}$

**Câu 4. (TH)**  $\frac{2}{5}$  của -100 có giá trị là :

A. -50

B. -10

C. -40

D. -20

**Câu 5. (TH)** Tìm x biết  $\frac{1}{10}$  của x bằng 40. Giá trị của x là :

A. 50

B. 100

C. 400

D. 25

**Câu 6. (NB)** Hình nào sau đây không có trục đối xứng:



1



2



3



4

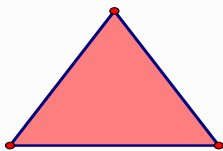
A. Hình 1

B. Hình 2

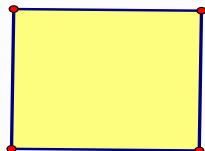
C. Hình 3

D. Hình 4

**Câu 7. (NB)** Trong các hình sau, hình nào không có tâm đối xứng ?



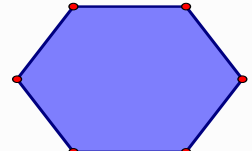
hình 1



hình 2



hình 3



hình 4



A. Hình 4

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 1

**Câu 8. (NB)** Chọn khẳng định **sai**:

A. Tính đối xứng thường xuất hiện trong thế giới động, thực vật để giúp chúng cân bằng, vững chắc, hài hòa.

B. Tính đối xứng được sử dụng nhiều trong công nghệ chế tạo giúp các vật có tính cân bằng, hài hòa, vững chắc.

C. Tính đối xứng trong hội họa và kiến trúc giúp đem lại cảm hứng cho các họa sĩ và kiến trúc sư.

D. Các vật trong tự nhiên đều có tính đối xứng.

**Câu 9. (NB)** Tính đối xứng giúp cho sự vật:

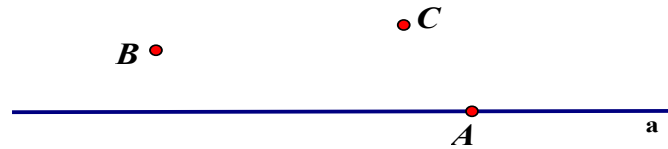
A. Cân bằng, vững chắc

B. Hài hòa

C. Đẹp mắt

D. Cả ba câu A, B, C

**Câu 10. (NB)** Trong hình sau, điểm thuộc đường thẳng a là:



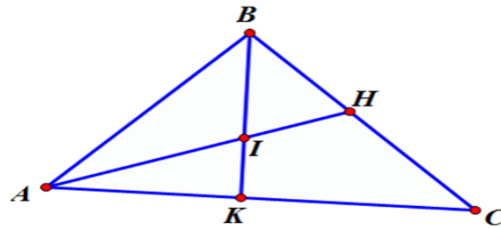
A. Điểm A

B. Điểm B

C. Điểm C

D. Điểm A và B.

**Câu 11. (NB)** Có bao nhiêu bộ ba điểm thẳng hàng trong hình vẽ dưới đây?



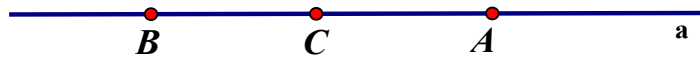
A. 7

B. 4

C. 5

D. 6

**Câu 12. (NB)** Cho hình vẽ sau, hãy chọn đáp án **sai**:



A. Điểm C nằm giữa hai điểm A và B

B. Hai điểm B và C nằm cùng phía đối với điểm A.

C. Điểm A nằm giữa hai điểm B và C

D. Hai điểm A và B nằm khác phía đối với điểm C

## **PHẦN 2. TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM).**

**Câu 1. (1 đ) (TH)** So sánh hai phân số:  $\frac{-3}{7}$  và  $\frac{5}{-9}$

**Câu 2. (2,0 đ) .** Tính:

a) (TH)  $\frac{2}{15} + \frac{1}{3} - \frac{3}{5}$

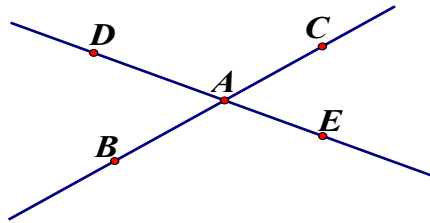
b) (TH)  $\frac{-4}{13} \cdot \frac{9}{19} + \frac{-4}{13} \cdot \frac{6}{19} + \frac{-4}{13} \cdot \frac{4}{19}$

c) (VD)  $\frac{-2}{3} + \left(\frac{3}{4} - \frac{1}{3}\right) : \frac{5}{3}$

**Câu 3. (1,0 đ) (VD)** Lớp 6A có 45 học sinh. Số học sinh nam chiếm  $\frac{2}{5}$  số học sinh cả lớp. Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh nữ?

**Câu 4.** (1,0 đ) (**VDC**). Trong vườn có 3 loại cây ăn trái. Số cây cam chiếm  $\frac{2}{3}$  số cây của vườn, số cây táo chiếm  $\frac{1}{2}$  số cây còn lại. Số cây nhãn là 12 cây. Hỏi vườn có tất cả bao nhiêu cây ăn trái?

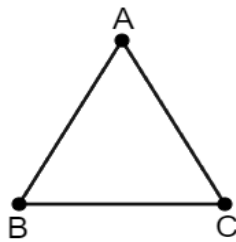
**Câu 5.** (1,0 đ) (**NB**). Cho hình vẽ



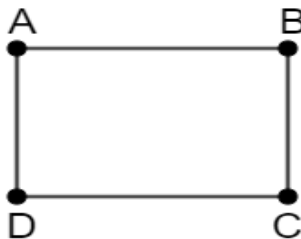
- Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng .
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm nào nằm giữa hai điểm D và E.
- Kể tên một tia gốc B.

**Câu 6.** (1,0 đ) (**TH**).

- Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của tam giác đều ABC.



- Hãy vẽ điểm I là tâm đối xứng của hình chữ nhật ABCD.



---HẾT---

## HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II – TOÁN 6

### PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: mỗi câu đúng 0,25 điểm

<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>C</b>	<b>B</b>	<b>D</b>	<b>D</b>	<b>D</b>	<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>

### PHẦN II. TỰ LUẬN:

Bài	Đáp án	Điểm
<b>1</b>	<p><b>Bài 1 (1,0 điểm)</b></p> <p>So sánh hai phân số : <math>\frac{-3}{7}</math> và <math>\frac{-5}{9}</math></p>	
	<p>Ta có: <math>\frac{-3}{7} = \frac{-27}{63}</math>; <math>\frac{-5}{9} = \frac{-35}{63}</math>.</p> <p>Vì <math>-27 &gt; -35</math> nên <math>\frac{-27}{63} &gt; \frac{-35}{63}</math></p> <p>Vậy <math>\frac{-3}{7} &gt; \frac{-5}{9}</math></p>	<p><b>0,25x2</b></p> <p><b>0,25</b></p> <p><b>0,25</b></p>
<b>2</b>	<p><b>Bài 2. (2,0 điểm)</b></p> <p>a) <math>\frac{2}{15} + \frac{1}{3} - \frac{3}{5}</math></p> <p style="margin-left: 20px;"><math>= \frac{2}{15} + \frac{5}{15} - \frac{9}{15}</math></p> <p style="margin-left: 20px;"><math>= \frac{-2}{15}</math></p>	<p><b>0,25</b></p> <p><b>0,25</b></p>
	<p>b) <math>\frac{-4}{13} \cdot \frac{9}{19} + \frac{-4}{13} \cdot \frac{6}{19} + \frac{-4}{13} \cdot \frac{4}{19}</math></p> <p style="margin-left: 20px;"><math>= \frac{-4}{13} \cdot \left( \frac{9}{19} + \frac{6}{19} + \frac{4}{19} \right)</math></p> <p style="margin-left: 20px;"><math>= \frac{-4}{13} \cdot 1</math></p> <p style="margin-left: 20px;"><math>= \frac{-4}{13}</math></p>	<p><b>0,25</b></p> <p><b>0,25</b></p>
	<p>c) <math>\frac{-2}{3} + \left( \frac{3}{4} - \frac{1}{3} \right) : \frac{5}{3}</math></p>	<p><b>0,25</b></p> <p><b>0,25</b></p>

	$= \frac{-2}{3} + \left( \frac{9}{12} - \frac{4}{12} \right) : \frac{5}{3}$ $= \frac{-2}{3} + \frac{5}{12} : \frac{5}{3}$ $= \frac{-2}{3} + \frac{1}{4}$ $= \frac{-5}{12}$	0,25 0,25
<b>3</b>	<p><b>Bài 3.</b> (1,0 đ) Lớp 6A có 45 học sinh. Số học sinh nam chiếm <math>\frac{2}{5}</math> số học sinh cả lớp. Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh nữ?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số học sinh nam của lớp 6A: <math>45 \cdot \frac{2}{5} = 18</math> (học sinh)</li> <li>- Số học sinh nữ của lớp 6A: <math>45 - 18 = 27</math> (học sinh)</li> </ul>	0,5 0,5
<b>4</b>	<p><b>Bài 4.</b> (1,0 đ) Trong vườn có 3 loại cây ăn trái. Số cây cam chiếm <math>\frac{2}{3}</math> số cây của vườn, số cây táo chiếm <math>\frac{1}{2}</math> số cây còn lại. Số cây nhãn là 12 cây. Hỏi vườn có tất cả bao nhiêu cây ăn trái?</p>	
	<p>Phần số chỉ số cây táo là:</p> $\frac{1}{2} \cdot \left( 1 - \frac{2}{3} \right) = \frac{1}{6} \text{ (tổng số cây)}$ <p>Phần số chỉ số cây nhãn là:</p> $1 - \frac{2}{3} - \frac{1}{6} = \frac{1}{6} \text{ (tổng số cây)}$ <p>Số cây của vườn là:</p> $12 : \frac{1}{6} = 72 \text{ (cây)}$	0,5 0,25 0,25
<b>5</b>	Kể đúng mỗi câu 0,25đ	4.0,25
<b>6</b>	Vẽ mỗi câu đúng 0,5đ	2x0,5

**Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3 điểm)** Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây :

**Câu 1: (NB)** Kết quả của phép tính:  $\frac{1}{5} + \frac{1}{2}$  là:

- A.  $\frac{7}{10}$       B.  $\frac{1}{10}$       C.  $\frac{19}{10}$       D.  $\frac{18}{10}$

**Câu 2. (TH)** Cho  $x + \frac{1}{4} = \frac{1}{3}$ . Kết quả giá trị x là:

- A.  $\frac{7}{12}$       B.  $\frac{1}{12}$       C.  $\frac{12}{13}$       D.  $\frac{-5}{12}$

**Câu 3. (TH)** Cho  $\frac{2}{3}x = \frac{2}{5}$ . Kết quả giá trị x là :

- A.  $\frac{-4}{15}$       B.  $\frac{-3}{5}$       C.  $\frac{3}{5}$       D.  $\frac{3}{11}$

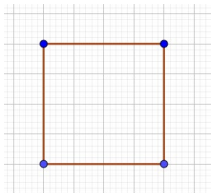
**Câu 4. (TH)**  $\frac{3}{5}$  của 20 trang sách là:

- A. 5 trang      B. 10 trang      C. 15 trang      D. 12 trang

**Câu 5. (TH)** Tìm một số biết  $\frac{3}{4}$  của nó là 9

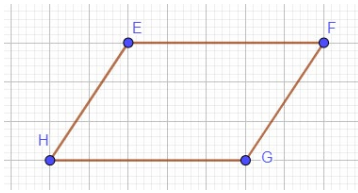
- A. Số đó là 12      B. Số đó là  $\frac{16}{3}$       C. Số đó là 24      D. Số đó là 27

**Câu 6. (NB)** Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng?



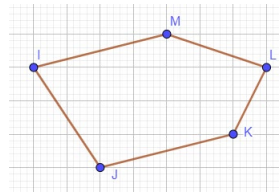
(hình 1)

A. Hình 1



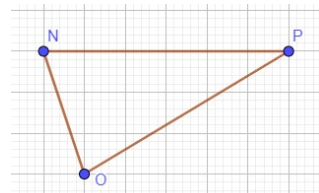
(hình 2)

B. Hình 2



(hình 3)

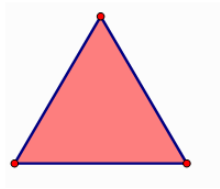
C. Hình 3



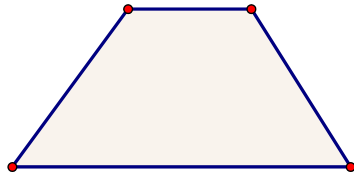
(hình 4)

D. Hình 4

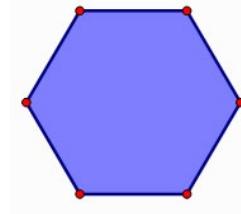
**Câu 7. (NB)** Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng?



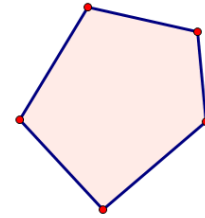
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

**Câu 8(NB)** Trong các công trình dưới đây, có bao nhiêu công trình có trục đối xứng?



A. 1

B. 2

C. 3

D. 0

**Câu 9: [TH]** Con người đã chế tạo ra chiếc máy bay có hình dạng đối xứng như con vật nào?

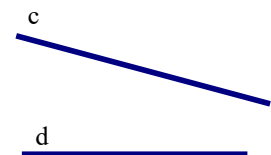
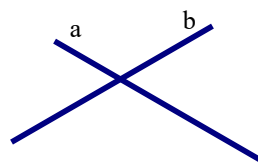
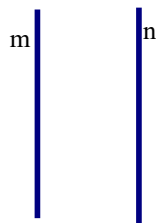
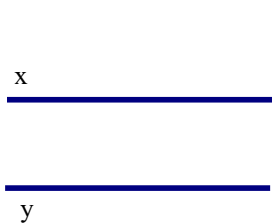
A. Con chim đại bàng.

B. Con chuồn chuồn.

C. Con châu chấu.

D. Con sóc bay.

**Câu 10:** Cho hình vẽ



Chọn phát biểu ĐÚNG trong các phát biểu sau :

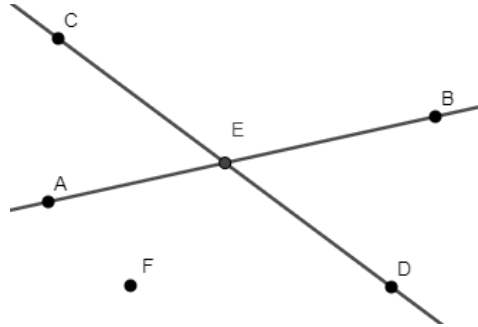
A. Hai đường thẳng a và b cắt nhau.

B. Hai đường thẳng m và n trùng nhau.

C. Hai đường thẳng x và y cắt nhau.

D. Hai đường thẳng c và d song song với nhau .

**Câu 11:** Cho hình vẽ



Chọn phát biểu SAI:

- A. Ba điểm A, E, F không thẳng hàng.
- B. Ba điểm A, E, B thẳng hàng.
- C. Ba điểm C, E, D thẳng hàng
- D. Ba điểm C, E, D không thẳng hàng.

**Câu 12:** Cho hình vẽ



Chọn khẳng định ĐÚNG với tia có gốc A:

- A. Tia CA
- B. Tia AC
- C. Tia xA
- D. Tia Cx

**Phần 2. Tự luận (8 điểm)**

**Bài 1.** [TH] (1,0 điểm) So sánh hai phân số sau:  $\frac{-7}{15}$  và  $\frac{-5}{12}$ .

**Bài 2.** (TH)(2,0 đ) Tính :

a/  $\frac{-18}{3} - \frac{10}{15} + \frac{1}{5}$

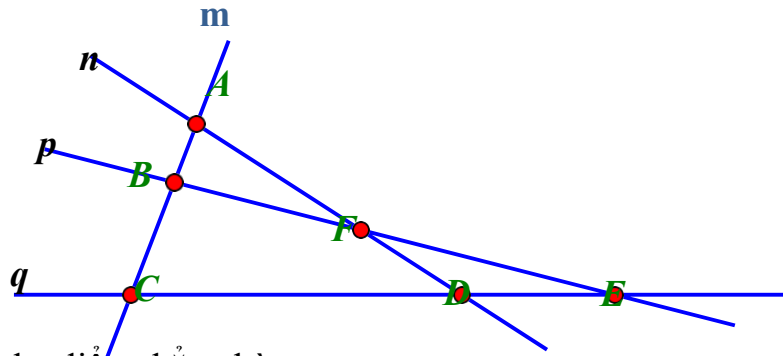
b.  $\frac{5}{11} + \frac{11}{24} + \frac{6}{11} - \frac{35}{24}$

c/  $\frac{11}{19} \cdot \frac{10}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{9}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{-2}{17}$

**Bài 3.** (1đ) **(VD)** Bạn Hải có 30 viên bi .Hải cho em  $\frac{2}{5}$  số viên bi. Hỏi Hải còn bao nhiêu viên bi?

**Bài 4.** (1,0 điểm)**(VDC)** Bạn Minh đọc hết một cuốn sách trong ba ngày.Ngày thứ nhất đọc được 40 trang,ngày thứ hai đọc được  $\frac{1}{4}$  tổng số trang sách,ngày thứ ba đọc được  $\frac{5}{3}$  của ngày thứ hai.Tìm số trang của cuốn sách.

**Bài 5.** (1,0đ) **(NB)** Cho hình vẽ



- Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng.
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm nào nằm giữa hai điểm B và E.
- Viết tên một tia có điểm gốc A.

**Bài 6(1d):**(TH)

- Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của hình thang cân ABCD
- Hãy vẽ hình bình hành MNBQ và vẽ điểm I là tâm đối xứng của hình bình hành MNPQ.



HẾT

**ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM**

**Phần 1. Trắc nghiệm khách quan**

Mỗi câu TN trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	C	D	A	A	C	C	B	A	D	B

**Phần 2. Tự luận**

Bài	Câu	Nội dung	Điểm
<b>1</b> <b>(1đ)</b>		$\frac{-7}{15}$ và $\frac{-5}{12}$ $\frac{-7}{15} = \frac{-7.4}{15.4} = \frac{-28}{60}$ $\frac{-5}{12} = \frac{-5.5}{12.5} = \frac{-25}{60}$ <b>Vì</b> $\frac{-28}{60} < \frac{-25}{60}$ <b>nên</b> $\frac{-7}{15} < \frac{-5}{12}$	0,25đ 0,25đ 0,5đ
<b>2</b> <b>(2đ)</b>	<b>(0,5đ)</b>	a. $\frac{-18}{3} - \frac{10}{15} + \frac{1}{5}$ $= \frac{-90}{15} - \frac{10}{15} + \frac{3}{15}$ $= \frac{-100}{15} + \frac{3}{15}$ $= \frac{-97}{15}$	0,25 0,25
	<b>b</b> <b>(0,5đ)</b>	$\frac{5}{11} + \frac{11}{24} + \frac{6}{11} - \frac{35}{24}$ $= (\frac{5}{11} + \frac{6}{11}) + (\frac{11}{24} - \frac{35}{24})$ $= 1 + (-1)$ $= 0$	0,25đ 0,25đ

	<b>c</b> (1đ)	$\frac{11}{19} \cdot \frac{10}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{9}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{-2}{17}$ $= \frac{11}{19} \cdot \left( \frac{10}{17} + \frac{9}{17} + \frac{-2}{17} \right)$ $= \frac{11}{19} \cdot 1 = \frac{11}{19}$	0,5đ 0,5đ
<b>3</b>		Số viên bi Hải cho em: $30 \cdot \frac{2}{5} = 12$ (viên bi)	0,25đ 0,25đ
		Số viên bi Hải còn lại: $30 - 12 = 18$ (viên bi)	0,5đ
<b>4</b>		Phân số chỉ số trang ngày thứ ba bạn Minh đọc là: $\frac{1}{4} \cdot \frac{5}{3} = \frac{5}{12}$ (tổng số trang)	0,25đ
		Phân số chỉ số trang ngày thứ nhất bạn Minh đọc là: $1 - \frac{1}{4} - \frac{5}{12} = \frac{1}{3}$  Tổng số trang cuốn sách là: $40 : \frac{1}{3} = 120$ (trang)	0,5đ 0,25đ
<b>5</b>		a) Một bộ ba điểm thẳng hàng: A,F,D	<b>0,25</b>
		b) Một bộ ba điểm không thẳng hàng: A,E,D	<b>0,25</b>
		c) Điểm nào nằm giữa hai điểm B và E: Điểm F.	<b>0,25</b>

		d)Viết tên một tia có điêm gốc A: Tia AC	0,25đ
<b>6</b>		-Vẽ đúng trục đối xứng -xác định đúng tâm đối xứng	<b>0,5đ</b> 0,5đ

Hết

**I. Trắc nghiệm. (3,0 điểm). Chọn một đáp án đúng nhất trong mỗi câu sau**

**Câu 1.** Cho  $x - \frac{3}{5} = \frac{1}{4}$ . Giá trị x tìm được là:

- A.  $\frac{7}{20}$                       B.  $\frac{-17}{20}$                       C.  $\frac{1}{10}$                       D.  $\frac{17}{20}$

**Câu 2.** Cho  $\frac{4}{7}x = 2\frac{1}{7}$ . Giá trị x tìm được là:

- A.  $\frac{15}{4}$                       B.  $\frac{11}{7}$                       C.  $\frac{-2}{7}$                       D.  $\frac{1}{2}$

**Câu 3.**  $\frac{4}{5}$  của 45 trang sách là:

- A. 4 trang                      B. 5 trang                      C. 36 trang                      D. 30 trang

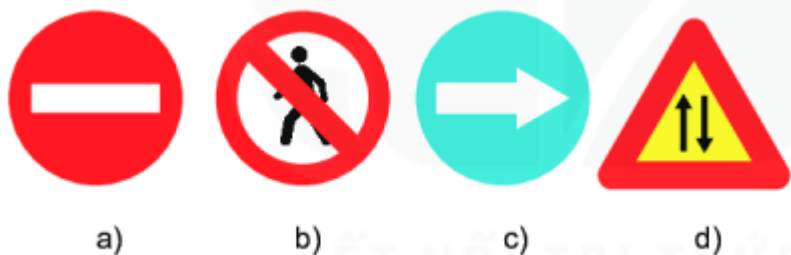
**Câu 4.** Tìm một số biết  $\frac{3}{8}$  của nó là 12. Số đó là:

- A.  $\frac{9}{2}$                       B. 32                      C.  $\frac{93}{8}$                       D.  $\frac{99}{8}$

**Câu 5.** Tính chất nào sau đây không phải tính chất của phép cộng

- A. Tính chất giao hoán                      C. Cộng với số 0  
B. Tính chất kết hợp                      D. Cộng với số 1

**Câu 6.** Trong các loại biển báo sau, biển báo nào có trục đối xứng?

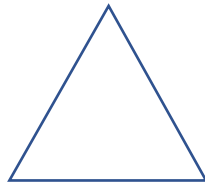


- A. Hình a) và Hình c)    B. Hình a) và Hình d)    C. Hình c) và Hình b)    D. Hình c) và Hình d)

**Câu 7.** Trong các hình sau hình nào không có tâm đối xứng ?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

**Câu 8.** Chọn câu khẳng định sai:

A. Tính đối xứng được sử dụng nhiều trong công nghệ chế tạo giúp các vật có tính cân bằng, hài hòa, vững chắc.

B. Tính đối xứng trong hội họa và kiến trúc giúp đem lại cảm hứng cho các họa sĩ và kiến trúc sư.

C. Tính đối xứng thường xuất hiện trong thế giới động, thực vật để giúp chúng cân bằng, vững chắc, hài hòa.

D. Các vật trong tự nhiên đều có tính đối xứng.

**Câu 9.** Trong các hình dưới hình nào có tâm đối xứng?



a)



b)



c)



d)

đây,

A. Hình a, b, c

B. Hình b, c.

C. Hình a,d.

D. Hình a, c

**Câu 10.** Chọn câu đúng điền vào chỗ có dấu.....

Trong ba điểm thẳng hàng, có ..... điểm nằm giữa hai điểm còn lại.

A. Một và chỉ một

B. Hai

C. Một số

D. Nhiều

**Câu 11.** Khẳng định nào sau đây sai:

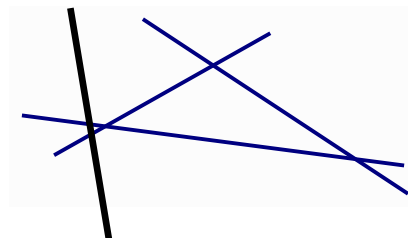
A. Hai đường thẳng không có điểm chung thì song song với nhau.

B. Hai đường thẳng có điểm chung thì chúng cắt nhau.

C. Ba điểm thẳng hàng khi ba điểm đó thuộc cùng một đường thẳng.

D. Hai đường thẳng trùng nhau thì chúng có vô số điểm chung.

**Câu 12.** Cho hình vẽ



Số giao điểm tạo bởi 4 đường thẳng trong hình trên là:

A. 3 giao điểm

B. 4 giao điểm

C. 5 giao điểm

D. 6 giao điểm

**II. Tự luận (7,0 điểm)**

**Câu 1.** (1,0đ) So sánh hai phân số :  $\frac{-3}{4}$  và  $\frac{7}{-8}$

**Câu 2.** (2,0 đ) Tính hợp lý nếu có thể

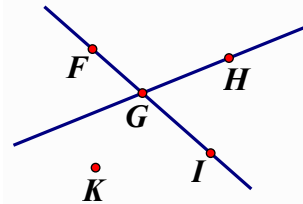
a)  $\frac{2}{3} + \frac{1}{3} \cdot \left(\frac{-9}{2}\right)$       b)  $\frac{3}{10} \cdot \frac{9}{16} + \frac{3}{10} \cdot \frac{7}{16}$       c)  $\left(\frac{5}{8} - \frac{21}{25}\right) - \left(\frac{5}{8} + \frac{3}{14} - \frac{21}{25}\right)$

**Câu 3.** (1,0đ). Bạn Bình có 12 viên bi. Bình cho em  $\frac{2}{3}$  số viên bi của mình. Hỏi Bình còn lại bao nhiêu viên bi ?

**Câu 4.** (1,0đ). Bạn Minh đọc một quyển sách trong ba ngày. Ngày thứ nhất đọc được  $\frac{2}{5}$  số trang của quyển sách, ngày thứ hai đọc được  $\frac{5}{8}$  số trang còn lại của quyển sách. Biết ngày thứ ba đọc được 18 trang sách là hết quyển sách. Hỏi quyển sách có bao nhiêu trang?

**Câu 5.** (1,0đ). Cho hình vẽ

- Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng .
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm nào nằm giữa hai điểm F và I.
- Kể tên một tia gốc F.



**Câu 6.** (1,0đ). Cho hình vẽ :

- Hãy vẽ tam giác ABC cân tại A và vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của nó.
- Hãy vẽ hình bình hành ABCD và vẽ điểm I là tâm đối xứng của nó.

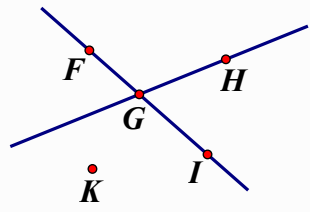
**HẾT**

**I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm).** Mỗi câu đúng chấm 0,25đ

<b>Câu</b>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>Đáp án</b>	B	C	D	B	A	C	B	D	A	B	D	D

**II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)**

<b>Câu</b>	<b>Đáp án</b>	<b>Điểm</b>
<b>1</b>	<b>So sánh hai phân số</b> $\frac{-3}{4}$ và $\frac{7}{-8}$	<b>1,0</b>
	$\frac{-3}{4} = \frac{-3.2}{4.2} = \frac{-6}{8}; \frac{7}{-8} = \frac{-7}{8}$	0,5
	Vì $\frac{-6}{8} > \frac{-7}{8}$ . Nên $\frac{-3}{4} > \frac{7}{-8}$	0,5
<b>2</b>	<b>Tính hợp lý nếu có thể</b> a) $\frac{2}{3} + \frac{1}{3} \cdot \left(\frac{-9}{2}\right)$ b) $\frac{3}{10} \cdot \frac{9}{16} + \frac{3}{10} \cdot \frac{7}{16}$ c) $\left(\frac{5}{8} - \frac{21}{25}\right) - \left(\frac{5}{8} + \frac{3}{14} - \frac{21}{25}\right)$	<b>2,0</b>
	a) $\frac{2}{3} + \frac{1}{3} \cdot \left(\frac{-9}{2}\right)$	<b>0,75</b>
	$= \frac{2}{3} + \frac{-3}{2}$	0,25
	$= \frac{4}{6} + \frac{-9}{6}$	0,25
	$= \frac{-5}{6}$	0,25
	b) $\frac{3}{10} \cdot \frac{9}{16} + \frac{3}{10} \cdot \frac{7}{16};$	<b>0,5</b>
	$= \frac{3}{10} \cdot \left(\frac{9}{16} + \frac{7}{16}\right)$	0,25
	$= \frac{3}{10} \cdot 1$	0,25
	$= \frac{3}{10}$	
c) $\left(\frac{5}{8} - \frac{21}{25}\right) - \left(\frac{5}{8} + \frac{3}{14} - \frac{21}{25}\right)$	<b>0,75</b>	

	$= \frac{5}{8} - \frac{21}{25} - \frac{5}{8} - \frac{3}{14} + \frac{21}{25}$	0,25
	$= \left( \frac{5}{8} - \frac{5}{8} \right) + \left( -\frac{21}{25} + \frac{21}{25} \right) - \frac{3}{14}$	0,25
	$= 0 + 0 - \frac{3}{14}$ $= -\frac{3}{14}$	0,25
3	<b>Bạn Bình có 12 viên bi. Bình cho em <math>\frac{2}{3}</math> số viên bi của mình. Hỏi Bình còn lại bao nhiêu viên bi ?</b>	<b>1,0</b>
	Số viên bi bạn Bình cho em $12 \cdot \frac{2}{3} = 8$ (viên)	0,5
	Số viên bi bạn bình còn lại $12 - 8 = 4$ (viên)	0,5
4	<b>Bạn Minh đọc một quyển sách trong ba ngày. Ngày thứ nhất đọc được <math>\frac{2}{5}</math> số trang của quyển sách, ngày thứ hai đọc được <math>\frac{5}{8}</math> số trang còn lại của quyển sách. Biết ngày thứ ba đọc được 18 trang sách là hết quyển sách. Hỏi quyển sách có bao nhiêu trang?</b>	<b>1,0</b>
	Phần số số trang còn lại của quyển sách $1 - \frac{2}{5} = \frac{3}{5}$ (số trang quyển sách)	0,25
	Phần số chỉ trang đọc ngày thứ hai của quyển sách $\frac{5}{8} \cdot \frac{3}{5} = \frac{3}{8}$ (số trang quyển sách)	0,25
	Phần số chỉ trang đọc ngày thứ ba của quyển sách $1 - \frac{2}{5} - \frac{3}{8} = \frac{9}{40}$ (số trang quyển sách)	0,25
	Số trang của quyển sách là: $18 : \frac{9}{40} = 80$ (trang)	0,25
5	<b>Cho hình vẽ</b>	
	<p>a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng .</p> <p>b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.</p> <p>c) Điểm nào nằm giữa hai điểm F và I.</p> <p>d) Kể tên một tia gốc F.</p>	



	Mỗi câu đúng chấm 0,25đ	
<b>6</b>	<b>Cho hình vẽ :</b> <b>a) Hãy vẽ tam giác ABC cân tại A và vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của nó.</b> <b>b) Hãy vẽ hình bình hành ABCD và vẽ điểm I là tâm đối xứng của nó.</b>	<b>1,0</b>
	Mỗi câu đúng chấm 0,5đ	

**Học sinh có cách giải khác nếu đúng. Giám khảo vận dụng cho điểm từng phần phù hợp.**

**ĐỀ THAM KHẢO**

**Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3 điểm)** Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây :

**Câu 1.** Cho  $x + \frac{1}{2} = \frac{1}{6}$  . Kết quả giá trị x là:

- A.  $-\frac{1}{3}$                       B.  $\frac{1}{4}$                       C.  $\frac{1}{3}$                       D.  $\frac{2}{3}$

**Câu 2.** Cho  $\frac{1}{5} - x = \frac{-3}{10}$  . Kết quả giá trị x là :

- A.  $-\frac{1}{2}$                       B.  $-\frac{1}{10}$                       C.  $\frac{1}{2}$                       D.  $\frac{1}{10}$

**Câu 3.** Tính giá trị  $\frac{1}{4}$  của -80 là:

- A. 20                      B. -20                      C. -76                      D. 76

**Câu 4.** Tìm một số biết  $\frac{2}{5}$  của nó là -40

- A. Số đó là 100                      B. Số đó là 16                      C. Số đó là -100                      D. Số đó là 8

**Câu 5.** phân số bằng phân số  $\frac{2}{7}$  là:

- A.  $\frac{7}{2}$                       B.  $\frac{4}{14}$                       C.  $\frac{25}{75}$                       D.  $\frac{4}{49}$

**Câu 6.** Chữ cái nào có tâm đối xứng?

**A G O**

- A. Chữ có tâm đối xứng là: O
- B. Chữ có tâm đối xứng là: G
- C. Chữ có tâm đối xứng là: A;O
- D. Chữ có tâm đối xứng là: A

**Câu 7.** Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A.Hình 1
- B.Hình 2
- C.Hình 3
- D.Hình 4

**Câu 8.** Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



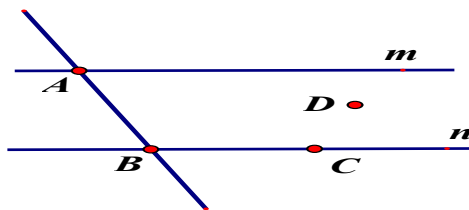
Hình 3



Hình 4

- A.Hình 1
- B.Hình 2
- C.Hình 3
- D.Hình 4

**Câu 9:** Cho hình vẽ sau.

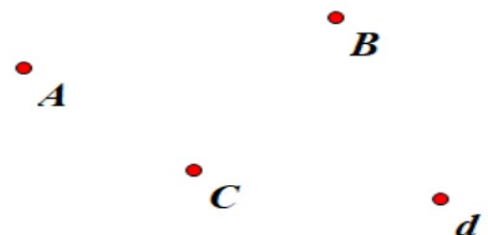


Đường thẳng n đi qua điểm nào?

- A. Điểm A
- B. Điểm B và điểm C
- C. Điểm B và điểm D
- D. Điểm D và điểm C

**Câu 10.** Cách kí hiệu điểm nào dưới đây là sai

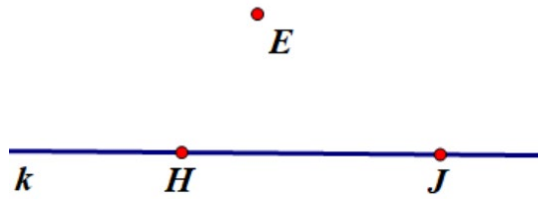
- A. Điểm A
- B. Điểm B
- C. Điểm C
- D. Điểm d



**Câu 11.** Qua hai điểm A và B cho trước có bao nhiêu đường thẳng?

A. 1          B. 2          C. 3          D. 4

**Câu 12.** Cho hình vẽ



Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:

A.  $H \notin k$           B.  $J \notin k$           C.  $E \in k$           D.  $E \notin k$

**Phần 2. Tự luận (7 điểm)**

**Bài 1.** (1,0 đ) So sánh hai phân số :  $\frac{7}{8}$  và  $\frac{5}{12}$

**Bài 2.** (1,5 đ) Tính :

a.  $\frac{5}{7} : \frac{5}{4} - \frac{3}{4}$

b.  $\frac{4}{9} \cdot \frac{-13}{17} + \frac{-2}{17} \cdot \frac{4}{9} + \frac{4}{9} \cdot \frac{-2}{17}$

c.  $\left( \frac{1997}{2024} + \frac{2021}{1999} \right) - \left( \frac{1997}{2024} + \frac{22}{1999} \right)$

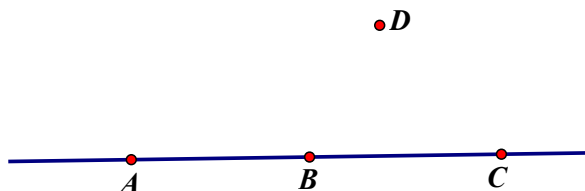
**Bài 3.** (1,0 đ) Lớp 6A có 42 học sinh. Tổng kết cuối năm học, lớp 6A có  $\frac{4}{21}$  số học

sinh đạt loại Tốt,  $\frac{3}{4}$  số học sinh còn lại đạt loại khá, không có học sinh Chưa Đạt.

Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh giỏi ? Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh Đạt?

**Bài 4.** (1,0 đ) Bạn Ý đọc cuốn truyện tranh trong 3 ngày, biết ngày thứ nhất đọc  $\frac{1}{3}$  số trang. Ngày thứ hai đọc  $\frac{2}{5}$  số trang còn lại, ngày thứ ba đọc nốt 120 trang. Hỏi cuốn truyện tranh có bao nhiêu trang?

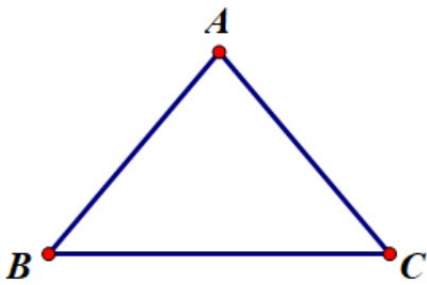
**Bài 5.** (1,0 đ) Cho hình vẽ sau:



a. Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng.

- b. Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- c. Điểm nào nằm giữa 2 điểm A và C.
- d. Kể tên một tia gốc A.

**Bài 6.** (1,0đ) Cho hình vẽ sau:



- a. Hãy vẽ trục đối xứng của tam giác ABC cân tại A.
- b. Hãy tìm tâm đối xứng của hình chữ nhật MNPQ.

### HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II – TOÁN 6

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM:** mỗi câu đúng 0,25 điểm

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	C	B	C	B	A	C	A	B	D	A	D

**PHẦN II. TỰ LUẬN:**

Bài	Đáp án	Điểm
1	<b>Bài 1</b> (1,0 điểm) So sánh hai phân số : $\frac{7}{8}$ và $\frac{5}{12}$	
	$\frac{7}{8} = \frac{7.3}{8.3} = \frac{21}{24}$ $\frac{5}{12} = \frac{5.2}{12.2} = \frac{10}{24}$	0,25x2
	Vì $\frac{21}{24} > \frac{10}{24}$	0,25x2

	Nên $\frac{7}{8} > \frac{5}{12}$	
<b>2</b>	<b>Bài 2. (2,0 điểm)</b> a. $\frac{5}{7} : \frac{5}{4} - \frac{3}{4}$ b. $\frac{4}{9} \cdot \frac{-13}{17} + \frac{-2}{17} \cdot \frac{4}{9} + \frac{4}{9} \cdot \frac{-2}{17}$ c. $\left(\frac{1997}{2024} + \frac{2021}{1999}\right) - \left(\frac{1997}{2024} + \frac{22}{1999}\right)$	
<b>2a</b>	a. $\frac{5}{7} : \frac{5}{4} - \frac{3}{4}$ $= \frac{5}{4} - \frac{3}{4}$ $= \frac{1}{2}$	0,25 0,25
<b>2b</b>	b. $\frac{4}{9} \cdot \frac{-13}{17} + \frac{-2}{17} \cdot \frac{4}{9} + \frac{4}{9} \cdot \frac{-2}{17}$ $= \frac{4}{9} \cdot \left(\frac{-13}{17} + \frac{-2}{17} + \frac{-2}{17}\right)$ $= \frac{4}{9} \cdot -1$ $= \frac{-4}{9}$	0,25 0,25
<b>2c</b>	c. $\left(\frac{1997}{2024} + \frac{2021}{1999}\right) - \left(\frac{1997}{2024} + \frac{22}{1999}\right)$ $= \frac{1997}{2024} + \frac{2021}{1999} - \frac{1997}{2024} - \frac{22}{1999}$ $= \frac{1997}{2024} - \frac{1997}{2024} + \frac{2021}{1999} - \frac{22}{1999}$ $= \left(\frac{1997}{2024} - \frac{1997}{2024}\right) + \left(\frac{2021}{1999} - \frac{22}{1999}\right)$ $= 0 + \left(\frac{1999}{1999}\right) = 1$	0,5 0,25 0,25
<b>3</b>	<b>Bài 3. (1,0 đ)</b> Lớp 6A có 42 học sinh. Tổng kết cuối năm học, lớp 6A có $\frac{4}{21}$ số học sinh đạt loại Tốt, $\frac{3}{4}$ số học sinh còn lại đạt loại khá, không có	

	học sinh Chưa Đạt. Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh giỏi ?Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh Đạt?	
	<p>Số học sinh Tốt là:</p> $42 \cdot \frac{4}{21} = 8 \text{ (học sinh)}$ <p>Số học sinh còn lại:</p> $42 - 8 = 32 \text{ (học sinh)}$ <p>Số học sinh đạt loại khá là:</p> $\frac{3}{4} \cdot 32 = 24 \text{ (học sinh)}$ <p>Số học sinh Đạt là:</p> $42 - 8 - 24 = 8 \text{ (học sinh)}$	4x0.25
<b>4</b>	<b>Bài 4.</b> (1,0 đ) Bạn Ý đọc cuốn truyện tranh trong 3 ngày, biết ngày thứ nhất đọc $\frac{1}{3}$ số trang. Ngày thứ hai đọc $\frac{2}{5}$ số trang còn lại, ngày thứ ba đọc nốt 120 trang. Hỏi cuốn truyện tranh có bao nhiêu trang?	
	<p>Phần số chỉ số trang còn lại sau ngày thứ nhất là:</p> $1 - \frac{1}{3} = \frac{2}{3} \text{ (số trang)}$ <p>Phần số chỉ số trang đọc ngày thứ 2 là:</p> $\frac{2}{5} \cdot \frac{2}{3} = \frac{4}{15} \text{ (số trang)}$ <p>Phần số chỉ số trang đọc ngày thứ 3 là:</p> $1 - \frac{1}{3} - \frac{4}{15} = \frac{2}{5} \text{ (số trang)}$ <p>Số trang của cuốn truyện tranh là:</p> $120 : \frac{2}{5} = 300 \text{ (trang)}$	4x0,25
<b>5</b>	Kê đúng mỗi câu 0,25đ	4.0,25
<b>6</b>	Vẽ mỗi câu đúng 0,5đ	2x0,5

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

**Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm).** Mỗi câu sau đây đều có 4 phương án, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Em hãy viết ra giấy kiểm tra phương án đúng trong mỗi câu sau:

**Câu 1.** Cho phân số  $\frac{-3}{4}$  Hãy chọn câu trả lời đúng

- A. Mẫu số là 4      B. Tử số là 3      C. Tử số là 41      D. Mẫu số là -3

**Câu 2.** Số đối của  $\frac{5}{9}$  là:

- A.  $\frac{9}{5}$       B.  $\frac{-5}{9}$       C.  $- \left( -\frac{5}{9} \right)$       D.  $\frac{-9}{5}$

**Câu 3.**  $\frac{11}{12}$  có số nghịch đảo

- A.  $\frac{1}{12}$       B.  $\frac{-12}{11}$       C.  $\frac{-11}{12}$       D.  $\frac{12}{11}$

**Câu 4.** Cho hỗn số  $2\frac{1}{4}$  Hãy chọn câu trả lời đúng.

- A. 2 là phần phân số      B.  $\frac{1}{4}$  là phần nguyên  
C. 2 là phần nguyên      D.  $2\frac{1}{4}$  là phần phân số

**Câu 5.** Cho  $x - \frac{5}{6} = \frac{1}{4}$ . Giá trị x tìm được là:

- A.  $\frac{7}{12}$       B.  $\frac{-13}{12}$       C.  $\frac{5}{12}$       D.  $\frac{13}{12}$

**Câu 6.** Cho  $\frac{4}{7}x = 2\frac{1}{7}$ . Giá trị x tìm được là:

- A.  $\frac{15}{4}$       B.  $\frac{11}{7}$       C.  $\frac{-2}{7}$       D.  $\frac{1}{2}$

**Câu 7.**  $\frac{4}{9}$  của 45 trang sách là:

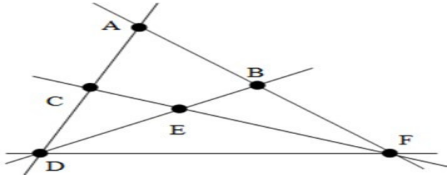
- A. 24 trang      B. 25 trang      C. 20 trang      D. 30 trang

**Câu 8.** Tìm một số biết  $\frac{3}{8}$  của nó là 15

- A. Số đó là  $\frac{9}{2}$       B. Số đó là 40      C. Số đó là  $\frac{45}{8}$       D. Số đó là 13



**Câu 9.** Cho hình vẽ sau. Chọn câu **đúng**.

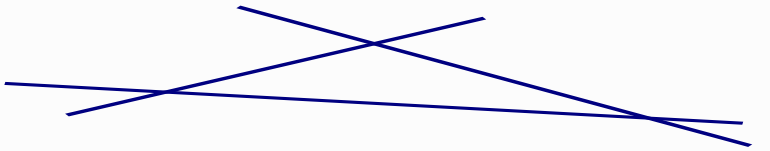


- A. Ba điểm D; E; B không thẳng hàng                      C. Ba điểm A; B; F không thẳng hàng  
 B. Ba điểm C; E; A không thẳng hàng                      D. Ba điểm C; E; F không thẳng hàng

**Câu 10.** Trong các hình sau hình nào không có trục đối xứng

- A. Hình tròn                      B. Hình vuông                      C. Hình bình hành                      D. Hình thang cân

**Câu 11.** Cho hình vẽ



Số giao điểm tạo bởi 3 đường thẳng trong hình trên là:

- A. 1 giao điểm                      B. 2 giao điểm                      C. 3 giao điểm                      D. 4 giao điểm

**Câu 12.** Trong các hình sau, hình nào vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng

- A. Hình thang cân                      B. Hình bình hành                      C. Hình tam giác                      D. Hình vuông

**Phần 2. Tự luận (7,0 điểm)**

**Bài 1.** (1,0 đ). So sánh hai phân số :  $-\frac{3}{5}$  và  $\frac{5}{-6}$

**Bài 2.** (2,0 đ). Tính:

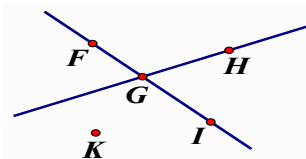
a)  $\frac{2}{7} + \frac{6}{7} \cdot \left(\frac{-4}{15}\right)$                       b)  $\frac{3}{11} \cdot \frac{9}{17} + \frac{3}{11} \cdot \frac{8}{17}$                       c)  $\left(\frac{5}{8} + \frac{21}{25}\right) - \left(\frac{5}{8} - \frac{4}{25}\right)$

**Bài 3.** (1,0đ). Bạn Bình có 18 viên bi. Bình cho em  $\frac{2}{3}$  số viên bi của mình. Hỏi Bình còn lại bao nhiêu viên bi ?

**Bài 4.** (1,0đ). Bạn Minh đọc một quyển sách trong ba ngày. Ngày thứ nhất đọc được  $\frac{2}{5}$  số trang của quyển sách, ngày thứ hai đọc được  $\frac{1}{4}$  số trang của quyển sách. Biết ngày thứ ba đọc được 14 trang sách là hết quyển sách. Hỏi quyển sách có bao nhiêu trang?

**Bài 5.** (1,0đ). Cho hình vẽ

a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng .



b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.

c) Điểm nào nằm giữa hai điểm F và I.

d) Kể tên một tia gốc H.

**Câu 6.** (1,0đ). a) Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của tam giác đều ABC

b) Hãy vẽ điểm I là tâm đối xứng của hình bình hành ABCD .

## ĐÁP ÁN

### Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm).

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
ĐA	A	B	D	C	D	A	C	B	B	C	C	D

### Phần 2. Tự luận (7,0 điểm)

BÀI	LỜI GIẢI	ĐIỂM
1	Ta có : $\frac{5}{-6} = \frac{-5}{6}$ MSC( 5;6 ) = 30	0,25
	$\frac{-3}{5} = \frac{-3.6}{5.6} = \frac{-18}{30}$ ; $\frac{-5}{6} = \frac{-5.5}{6.5} = \frac{-25}{30}$	0,25
	Vì $-18 > -25$ nên $\frac{-18}{30} > \frac{-25}{30}$	0,25
	<b>Vậy :</b> $\frac{-3}{5} > \frac{5}{-6}$	0,25
2	a) $\frac{2}{7} + \frac{6}{7} \cdot \left(\frac{-4}{15}\right)$	
	$= \frac{2}{7} + \frac{6 \cdot (-4)}{7 \cdot 15}$	
	$= \frac{2}{7} + \frac{-8}{35}$	0,25
	$= \frac{10}{35} + \frac{-8}{35}$	
	$= \frac{2}{35}$	0,25
	b) $\frac{3}{11} \cdot \frac{9}{17} + \frac{3}{11} \cdot \frac{8}{17}$	
	$= \frac{3}{11} \cdot \left(\frac{9}{17} + \frac{8}{17}\right)$	0,25
	$= \frac{3}{11} \cdot 1$	
	$= \frac{3}{11}$	0,25
	c) $\left(\frac{5}{8} + \frac{21}{25}\right) - \left(\frac{5}{8} - \frac{4}{25}\right)$	
	$= \frac{5}{8} + \frac{21}{25} - \frac{5}{8} + \frac{4}{25}$	0,25
	$= \frac{5}{8} - \frac{5}{8} + \frac{4}{25} + \frac{21}{25}$	0,25
	$= 0 + 1$	0,25
	$= 1$	0,25
3	Số viên bi Bình cho em là : $18 \cdot \frac{2}{3} = 12(\text{viên})$	0,5

	Số viên bi Bình còn lại là : $18 - 12 = 6$ ( viên)	0,5
<b>4</b>	Phân số chỉ số trang bạn Minh đọc ngày thứ ba là : $1 - \frac{2}{5} - \frac{1}{4} = \frac{7}{20}$ (số trang)	0,5
	Số trang của quyển sách là : $14 : \frac{7}{20} = 40$ ( trang)	0,5
<b>5</b>	a) Một bộ ba điểm thẳng hàng là : F, G, I	0,25
	b) Một bộ ba điểm không thẳng hàng.là : G, K, I	0,25
	c) Điểm nằm giữa hai điểm F và I là điểm G	0,25
	d) Tên một tia gốc H là : HG	0,25
<b>6</b>	a) Vẽ tam giác đều ABC , đường thẳng d đúng ( dphải đi qua đỉnh và trung điểm cạnh đối diện )	0,5
	b) Vẽ hình bình hành ABCD, điểm I đúng ( I phải là giao điểm hai đườngchéo)	0,5

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II TOÁN – LỚP 6**  
**NĂM HỌC 2024-2025**

T T	Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	<b>Phân số</b>	Phân số với tử số và mẫu số là số nguyên. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số.				1 Bài 1 1,0					62,5 %
		Các phép tính phân số. Tính chất phép cộng, phép nhân phân số.	1 0,2 5		2 0,5	2 Bài 2 a,b 1,0		1 Bài 2c 1,0			
		Giá trị phân số của một số.			2 0,5			1 Bài 3 1,0	1 Bài 4 1,0		
2	<b>Tính đối xứng của</b>	Hình có trục đối xứng.	1 0,2 5			1 B.6 a 0,5				20%	

	<b>hình phẳng trong thế giới tự nhiên</b>	Hình có tâm đối xứng.	1 0,2 5			1 B.6 b 0,5					
		Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên.	2 0,5								
3	<b>Các hình học cơ bản</b>	Điểm, đường thẳng, tia. Ba điểm thẳng hàng. Ba điểm không thẳng hàng.	3 0,7 5	1 Bài 5 1,0							17,5 %
<b>Tổng số câu</b>			<b>8</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>5</b>		<b>2</b>		<b>1</b>	<b>21</b>
<b>Tổng điểm</b>			<b>2,0</b>	<b>1,0</b>	<b>1,0</b>	<b>3,0</b>		<b>2,0</b>		<b>1,0</b>	<b>10,0</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>30%</b>		<b>40%</b>		<b>20%</b>		<b>10%</b>		<b>100%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>			<b>30%</b>				<b>100%</b>	

## I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (12 câu): (3,0 điểm)

**Câu 1.** Trong các cách viết sau, cách viết nào **không** cho ta phân số:

- A.  $\frac{5}{17}$                       B.  $\frac{12}{-19}$                       C.  $\frac{0}{50}$                       D.  $\frac{0,5}{25}$

**Câu 2.** Kết quả của phép tính  $\frac{-5}{4} + \frac{9}{5}$

- A.  $\frac{11}{20}$                       B.  $\frac{-11}{20}$                       C.  $\frac{14}{20}$                       D.  $\frac{-14}{20}$

**Câu 3.** Kết quả của phép tính  $\frac{-9}{17} : \frac{24}{34}$  bằng

- A.  $\frac{-108}{289}$                       B.  $\frac{-3}{4}$                       C.  $\frac{-9}{17}$                       D.  $\frac{24}{34}$

**Câu 4.** Tìm  $\frac{9}{12}$  của  $-36$

- A. 27                      B. 48                      C.  $-27$                       D.  $-48$

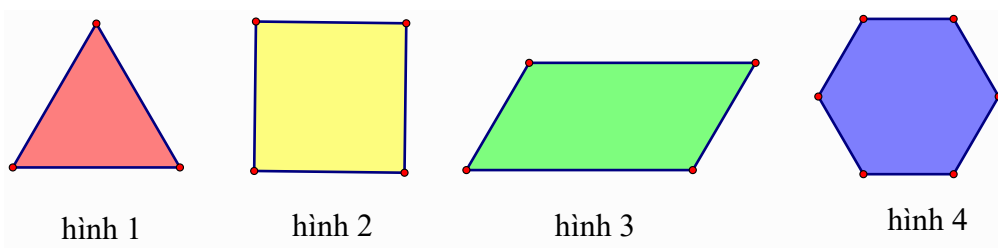
**Câu 5.** Tìm một số, biết  $\frac{3}{5}$  của 30

- A. 50                      B. 18                      C.  $\frac{1}{50}$                       D. 30

**Câu 6.** Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên giúp cho sự vật:

- A. Đẹp mắt                      B. Hòa hoà  
C. Cân bằng, vững chắc.                      D. Đập mắt, hài hoà, cân bằng, vững chắc.

**Câu 7.** Trong các hình sau, hình nào **không** có tâm đối xứng?



- A. hình 1                      B. hình 2                      C. hình 3                      D. hình 4

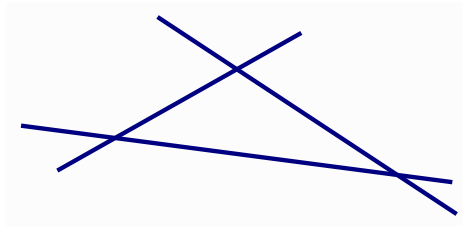
**Câu 8.** Trong các hình sau, hình nào **không** có trục đối xứng?



- Hình 1                      Hình 2                      Hình 3                      Hình 4  
 A. Hình 1                      B. Hình 2                      C. Hình 3                      D. Hình 4
- Câu 9.** Chọn khẳng định **sai**

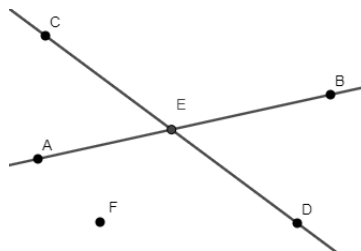
- A. Tính đối xứng thường xuất hiện trong thế giới động, thực vật để giúp chúng cân bằng, vững chắc, hài hòa.  
 B. Tính đối xứng được sử dụng nhiều trong công nghệ chế tạo giúp các vật có tính cân bằng, hài hòa, vững chắc.  
 C. Tính đối xứng trong hội họa và kiến trúc giúp đem lại cảm hứng cho các họa sĩ và kiến trúc sư  
 D. Các vật trong tự nhiên đều có tính đối xứng.

**Câu 10.** Cho hình vẽ



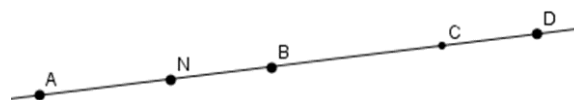
Số giao điểm tạo bởi 4 đường thẳng trong hình trên là:

- A. 3 giao điểm                      B. 4 giao điểm                      C. 5 giao điểm                      D. 6 giao điểm
- Câu 11.** Cho hình vẽ



Chọn phát biểu **sai**:

- A. Ba điểm C, E, D thẳng hàng                      B. Ba điểm A, E, B thẳng hàng  
 C. Ba điểm C, E, D không thẳng hàng                      D. Ba điểm A, E, F không thẳng hàng
- Câu 12.** Cho hình vẽ:



Có bao nhiêu điểm nằm giữa điểm N và điểm D?

- A. 3                      B. 1                      C. 2                      D. 0
- II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)**

**Bài 1 (1,0 điểm):** So sánh hai phân số sau:  $\frac{-4}{7}$  và  $\frac{-5}{8}$

**Bài 2 (2,0 điểm):** Thực hiện các phép tính (tính hợp lí nếu có thể).

a)  $\frac{2}{3} - \frac{7}{6} + \frac{3}{4}$

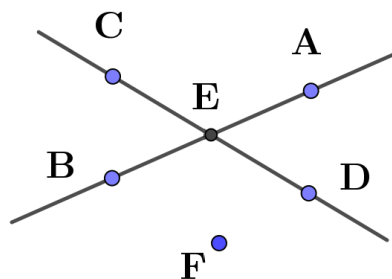
b)  $\frac{-11}{23} \cdot \frac{2}{5} + \frac{-12}{23} \cdot \frac{2}{5} - \frac{3}{5}$

c)  $\left(\frac{1}{5} - \frac{31}{29}\right) - \left(\frac{3}{5} - \frac{31}{29}\right)$

**Bài 3 (1,0 điểm):** Bạn An đọc một quyển sách dày 48 trang trong 3 ngày. Ngày thứ nhất An đọc được  $\frac{3}{8}$  số trang. Ngày thứ hai An đọc được  $\frac{1}{3}$  số trang. Số trang còn lại An đọc trong ngày thứ ba. Tính số trang sách An đã đọc được trong ngày thứ ba.

**Bài 4 (1,0 điểm):** Hôm nay, Mẹ bạn Tú mang một số trứng vịt ra chợ bán. Buổi sáng, mẹ bạn bán được  $\frac{1}{2}$  số trứng. Đến buổi trưa, mẹ bạn bán được thêm  $\frac{1}{3}$  số trứng và mẹ bạn phải mang về 55 quả trứng vịt chưa bán được. Hỏi mẹ bạn Tú đã mang tất cả bao nhiêu quả trứng vịt đi bán?

**Bài 5 (1,0 điểm):** Cho hình vẽ



- Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng.
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm nào nằm giữa hai điểm C và D.
- Kể tên một tia gốc D.

**Bài 6 (1,0 điểm):**

- Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của tam giác đều ABC.
- Hãy tìm điểm O là tâm đối xứng của hình chữ nhật MNPQ.



**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: 12 câu (3 điểm)**

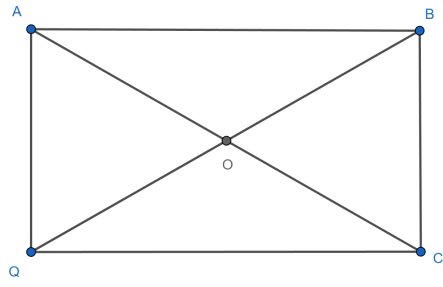
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
D	A	B	C	A	D	A	C	D	D	C	C

**PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)**

Bài 1	So sánh hai phân số sau: $\frac{-4}{7}$ và $\frac{-5}{8}$	1,0
	<p>Ta có: <math>\frac{-4}{7} = \frac{-32}{56}</math>; <math>\frac{-5}{8} = \frac{-35}{56}</math></p> <p>Vì <math>-32 &gt; -35</math> và <math>56 &gt; 0</math> nên: <math>\frac{-32}{56} &gt; \frac{-35}{56}</math></p> <p>Vậy <math>\frac{-4}{7} &gt; \frac{-5}{8}</math></p>	
Bài 2	Thực hiện các phép tính (tính hợp lí nếu có thể).	2,0
	a) $\frac{2}{3} - \frac{7}{6} + \frac{3}{4}$	
	$= \frac{8}{12} - \frac{14}{12} + \frac{9}{12}$ $= \frac{3}{12}$ $= \frac{1}{4}$	
	b) $\frac{-11}{23} \cdot \frac{2}{5} + \frac{-12}{23} \cdot \frac{2}{5} - \frac{3}{5}$	
	$= \frac{2}{5} \cdot \left( \frac{-11}{23} + \frac{-12}{23} \right) - \frac{3}{5}$ $= \frac{2}{5} \cdot (-1) - \frac{3}{5}$ $= -\frac{2}{5} - \frac{3}{5}$ $= -1$	
	c) $\left( \frac{1}{5} - \frac{31}{29} \right) - \left( \frac{3}{5} - \frac{31}{29} \right)$	
	$= \frac{1}{5} - \frac{31}{29} - \frac{3}{5} + \frac{31}{29}$ $= \left( \frac{1}{5} - \frac{3}{5} \right) + \left( -\frac{31}{29} + \frac{31}{29} \right)$	

	$= \frac{-2}{5}$	
Bài 3	Bạn An đọc một quyển sách dày 48 trang trong 3 ngày. Ngày thứ nhất An đọc được $\frac{3}{8}$ số trang. Ngày thứ hai An đọc được $\frac{1}{3}$ số trang. Số trang còn lại An đọc trong ngày thứ ba. Tính số trang sách An đã đọc được trong ngày thứ ba.	1,0
	Số trang sách An đã đọc ngày thứ nhất: $48 \cdot \frac{3}{8} = 18$ (trang) Số trang sách An đã đọc ngày thứ hai: $48 \cdot \frac{1}{3} = 16$ (trang) Số trang sách An đã đọc ngày thứ ba: $48 - 18 - 16 = 14$ (trang)	
Bài 4	Hôm nay, Mẹ bạn Tú mang một số trứng vịt ra chợ bán. Buổi sáng, mẹ bạn bán được $\frac{1}{2}$ số trứng. Đến buổi trưa, mẹ bạn bán được thêm $\frac{1}{3}$ số trứng và mẹ bạn phải mang về 55 quả trứng vịt chưa bán được. Hỏi mẹ bạn Tú đã mang tất cả bao nhiêu quả trứng vịt đi bán?	
	Phần số chỉ số trứng vịt mẹ Tú mang về: $1 - \frac{1}{2} - \frac{1}{3} = \frac{1}{6}$ (số trứng) Số quả trứng vịt mẹ bạn Tú đã mang đi bán: $55 : \frac{1}{6} = 330$ (quả)	
Bài 5		1,0
	a) Kể đúng tên một bộ ba điểm thẳng hàng . b) Kể đúng một bộ ba điểm không thẳng hàng. c) Chỉ ra điểm nằm giữa hai điểm C và D : điểm E d) Kể đúng tên một tia gốc D : DE hay DC	
Bài 6		1,0
a		

b



**ĐỀ THAM KHẢO**

(Đề kiểm tra có 02 trang)

**I/ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN. (3 điểm)** Chọn đáp án đúng nhất

**Câu 1:** (NB) Kết quả của phép tính:  $\frac{5}{4} + \frac{5}{2}$  là:

- A.  $\frac{25}{8}$                       B.  $\frac{22}{10}$                       C.  $\frac{15}{4}$                       D.  $\frac{11}{4}$

**Câu 2.** (TH) Cho  $x + \frac{3}{5} = \frac{-1}{3}$ . Kết quả giá trị x là:

- A.  $\frac{14}{15}$                       B.  $\frac{-14}{15}$                       C.  $\frac{4}{15}$                       D.  $\frac{-4}{15}$

**Câu 3.** (TH) Cho  $\frac{1}{3} \cdot x = \frac{8}{3}$ . Kết quả giá trị x là :

- A. 4                      B. 7                      C. 8                      D.  $\frac{7}{3}$

**Câu 4.** (TH)  $\frac{2}{5}$  của 30 trang sách là:

- A. 10 trang                      B. 12 trang                      C. 15 trang                      D. 20 trang

**Câu 5.** (TH) Tìm một số biết  $\frac{2}{3}$  của nó là 12

- A. Số đó là 8                      B. Số đó là 15                      C. Số đó là 16                      D. Số đó là 18

**Câu 6.** (NB) Hình nào không có trục đối xứng?

- A. Hình thoi.                      B. Hình vuông.  
C. Hình thang cân.                      D. Hình bình hành.

**Câu 7.** (NB) Hình nào sau đây có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3

A. Hình 1 và hình 3

B. Hình 1 và hình 2

C. Hình 2 và hình 3

D. Hình 1, hình 2, và hình 3

**Câu 8:** (NB) Chọn khẳng định SAI:

A. Tính đối xứng thường xuất hiện trong thế giới động, thực vật để giúp chúng cân bằng, vững chắc, hài hòa.

B. Tính đối xứng được sử dụng nhiều trong công nghệ chế tạo giúp các vật có tính cân bằng, hài hòa, vững chắc.

C. Tính đối xứng trong hội họa và kiến trúc giúp đem lại cảm hứng cho các họa sĩ và kiến trúc sư

D. Các vật trong tự nhiên đều có tính đối xứng.

**Câu 9:** (NB) Tính đối xứng giúp cho sự vật:

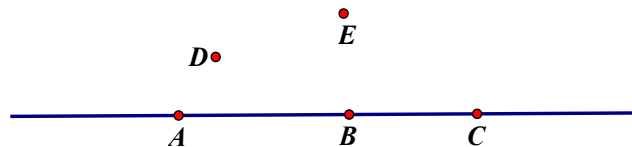
A. Cân bằng , vững chắc.

B. Hài hòa.

C. Đẹp mắt.

D. Cả 3 câu A, B, C.

**Câu 10.** (NB) Trong hình sau, 3 điểm thẳng hàng là:



A. Điểm D, điểm E, điểm A

B. Điểm A, điểm B, điểm C

C. Điểm A, điểm B, điểm D

D. Điểm A, điểm D, điểm C

**Câu 11.** (NB) Cho hình vẽ sau:



Chọn đáp án sai.

A. Điểm B nằm giữa A và C

B. Điểm B nằm giữa A và D

- C. Điểm C nằm giữa A và B
- D. Điểm C nằm giữa D và A.

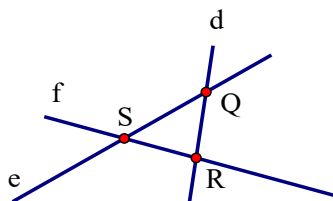
**Câu 12.** (NB) Trong hình sau, đường thẳng f không chứa điểm nào?

A. Điểm R

B. Điểm Q

C. Điểm S

D. Cả 3 điểm R, Q, S



## II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

**Bài 1.** (1,0 đ) So sánh hai phân số:  $\frac{-4}{9}$  và  $\frac{1}{-2}$

**Bài 2.** (2,0 đ) Tính:

a)  $\frac{4}{9} - \frac{5}{-6} + \frac{-5}{3}$

b)  $\frac{11}{19} \cdot \frac{-10}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{-5}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{-2}{17}$

c)  $\left(\frac{1}{5} - \frac{31}{29}\right) - \left(\frac{3}{5} - \frac{31}{29}\right)$

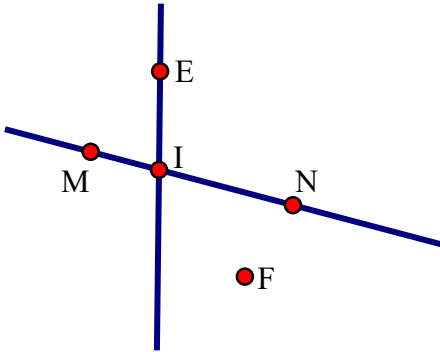
**Bài 3.** (1,0 đ) Lớp 6A có 42 học sinh. Biết số học sinh giỏi chiếm  $\frac{1}{3}$  số học sinh cả

lớp. Còn lại là học sinh khá.

- a) Tính số học sinh giỏi.
- b) Tính số học sinh khá.

**Bài 4.** (1,0 đ) Một đội công nhân thi công đào một quãng đường. Ngày thứ nhất đào được  $\frac{1}{5}$  quãng đường, ngày thứ hai đào được  $\frac{1}{10}$  quãng đường còn lại. Biết ngày thứ ba đội đào 288 m đường là xong công việc. Hỏi quãng đường đội công nhân nhận thi công dài bao nhiêu mét?

**Bài 5.** (1,0 đ) Cho hình vẽ



- Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng.
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm nào nằm giữa hai điểm M và N.
- Kể tên một tia gốc N.

**Bài 6.** (1,0 đ)

- Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của tam giác đều ABC.
- Hãy tìm điểm I là tâm đối xứng của hình chữ nhật MNPQ.

**HẾT**

## ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

### I/ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (3 điểm)

Mỗi câu TN trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	B	C	B	D	D	C	D	D	B	C	B

### II/ TỰ LUẬN: (7 điểm)

**Bài 1:** So sánh hai phân số:  $\frac{-4}{9}$  và  $\frac{1}{-2}$

Ta có:  $\frac{-4}{9} = \frac{-8}{18}$  và  $\frac{1}{-2} = \frac{-9}{18}$  0,5 đ

Vì  $-8 > -9$  nên  $\frac{-8}{18} > \frac{-9}{18}$  0,25 đ

Vậy  $\frac{-4}{9} > \frac{1}{-2}$  0,25 đ

**Bài 2:**

a.  $\frac{4}{9} - \frac{5}{-6} + \frac{-5}{3}$

$= \frac{8}{18} - \frac{-15}{18} + \frac{-30}{18}$  0,25 đ

$= \frac{-7}{18}$  0,25 đ

b.  $\frac{11}{19} \cdot \frac{-10}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{-5}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{-2}{17}$

$= \frac{11}{19} \cdot \left( \frac{-10}{17} + \frac{-5}{17} + \frac{-2}{17} \right)$  0,25 đ

$= \frac{11}{19} \cdot (-1)$

$= \frac{-11}{19}$  0,25 đ

c.  $\left( \frac{1}{5} - \frac{31}{29} \right) - \left( \frac{3}{5} - \frac{31}{29} \right)$

$= \frac{1}{5} - \frac{31}{29} - \frac{3}{5} + \frac{31}{29}$  0,25 đ

$= \left( \frac{1}{5} - \frac{3}{5} \right) + \left( \frac{-31}{29} + \frac{31}{29} \right)$  0,25 đ



$$= \frac{-2}{5} + 0 = -\frac{2}{5}$$

0,5 đ

**Bài 3:**

Giải:

Số học sinh giỏi là:  $42 \cdot \frac{1}{3} = 14$  (học sinh)

0,5 đ

Số học sinh khá là :  $42 - 14 = 28$  (học sinh)

0,5 đ

**Bài 4:**

Giải:

Phần số chỉ quãng đường ngày thứ hai đội công nhân đào được là:

$$\left(1 - \frac{1}{5}\right) \cdot \frac{1}{10} = \frac{2}{25} \text{ (quãng đường)}$$

0,5 đ

Phần số chỉ quãng đường ngày thứ ba đội công nhân đào được là:

$$1 - \frac{1}{5} - \frac{2}{25} = \frac{18}{25} \text{ (quãng đường)}$$

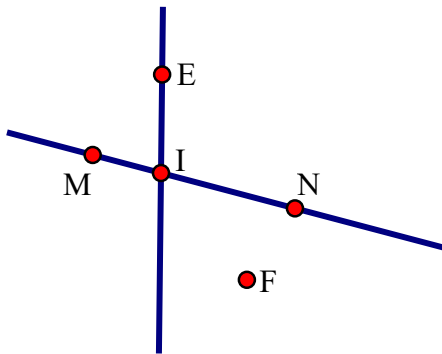
0,25 đ

Quãng đường đội công nhân đã làm trong ba ngày là:

$$288 : \frac{18}{25} = 400 \text{ (m)}$$

0,25 đ

**Bài 5:**



a) Một bộ ba điểm thẳng hàng: M, I, N

0,25 đ

b) Một bộ ba điểm không thẳng hàng: E, I, N

0,25 đ

c) Điểm nằm giữa hai điểm M và N: điểm I

0,25 đ

d) Một tia gốc N: tia NI

0,25 đ

**Bài 6:**

a. Xác định đúng đường thẳng d

0,5 đ

b. Xác định đúng điểm I

0,5 đ